

Số: 2383/QĐ-ĐHKTCN

Thái Nguyên, ngày 21 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án Đào tạo từ xa ngành Ngôn ngữ Anh

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên (ĐHTN);

Căn cứ Quyết định số 164/CP ngày 19/8/1965 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Phân hiệu Đại học Bách khoa tại Thái Nguyên (nay là Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - ĐHKTCN);

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19/11/2021 của Hội đồng ĐHTN về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của ĐHTN;

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐT ngày 21/6/2024 của Hội đồng trường Trường ĐHKTCN về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHKTCN;

Căn cứ Quyết định số 4076/QĐ-ĐHTN ngày 20/8/2024 của Giám đốc ĐHTN về việc chuyển đổi hình thức và giao nhiệm vụ đào tạo đại học từ chính quy sang đào tạo từ xa theo phương thức Elearning, ngành Ngôn ngữ Anh;

Căn cứ Quyết định số 180/QĐ-ĐHKTCN ngày 22/01/2024 của Hiệu trưởng Trường ĐHKTCN về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Viện Công nghệ Giáo dục và Đào tạo mở;

Căn cứ Quyết định số 384/QĐ-ĐHKTCN ngày 19/02/2024 của Hiệu trưởng Trường ĐHKTCN về việc ban hành Quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học của Trường ĐHKTCN;

Căn cứ Quyết định số 1088/QĐ-ĐHKTCN ngày 15/4/2024 của Hiệu trưởng Trường ĐHKTCN về việc thành lập Ban soạn thảo Đề án ĐTTX ngành Ngôn ngữ Anh của Trường ĐHKTCN;

Căn cứ Quyết định số 2373/QĐ-ĐHKTCN ngày 21/8/2024 của Hiệu trưởng Trường ĐHKTCN về việc Ban hành chương trình đào tạo từ xa ngành Ngôn ngữ Anh;

Theo đề nghị của Viện trưởng Viện CNGD&ĐTM.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án đào tạo từ xa ngành Ngôn ngữ Anh của Trường ĐHKTCN (Đề án kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Viện CNGD&ĐTM, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Đảng uỷ, Hội đồng trường (để b/c);
- Các Phó Hiệu trưởng (để c/d);
- Như Điều 3 (để t/h);
- Lưu: VT, Viện CNGD&ĐTM (Ngọc 03b).



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Đỗ Trung Hải

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP



ĐỀ ÁN
ĐÀO TẠO TỪ XA TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số 2383/QĐ-ĐHKTCN của Hiệu trưởng Trường ĐHKTCN ngày 21/8/2024)

NGÀNH: NGÔN NGỮ ANH

MÃ NGÀNH: 7220201

Thái Nguyên, tháng 8/2024

MỤC LỤC

PHẦN 1. THÔNG TIN CHUNG.....	3
I. TỔNG QUAN VỀ NHÀ TRƯỜNG.....	3
1.1. Quá trình thành lập.....	3
1.2. Sứ mệnh, Tâm nhìn và Giá trị cốt lõi của Trường.....	5
II. CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN.....	5
2.1. Cơ sở pháp lý.....	5
2.2. Cơ sở thực tiễn.....	6
III. KHẢO SÁT NHU CẦU NGƯỜI HỌC.....	10
IV. SỰ CẦN THIẾT CỦA ĐỀ ÁN.....	11
V. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN.....	12
PHẦN 2. NỘI DUNG CHÍNH CỦA ĐỀ ÁN.....	14
I. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐHTX NGÀNH NGÔN NGỮ ANH.....	14
II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO.....	14
1. Mục tiêu chung.....	14
2. Mục tiêu cụ thể.....	14
III. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	15
IV. MA TRẬN TƯƠNG QUAN MỤC TIÊU – CĐR.....	16
V. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP.....	17
VI. HỌC TẬP VÀ NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI TỐT NGHIỆP.....	17
VII. MÔ TẢ CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	18
1. Khung chương trình đào tạo.....	18
2. Kế hoạch giảng dạy.....	20
VIII. GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY PHỤ TRÁCH CÁC HỌC PHẦN.....	22
IX. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN.....	24
X. TÊN GIÁO TRÌNH VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	33
PHẦN 3. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ PHỤC VỤ ĐÀO TẠO.....	47
I. CƠ SỞ VẬT CHẤT, PHƯƠNG THỨC ĐÀO TẠO.....	47
1. Phương tiện.....	47
2. Học liệu.....	47
3. Phần mềm hỗ trợ.....	48
4. Phương thức đào tạo.....	48
II. ĐỘI NGŨ CÁN BỘ.....	49

1. Đội ngũ của Trường	49
2. Đội ngũ giảng viên của Khoa Quốc tế và Bộ môn Ngoại ngữ	49
3. Đội ngũ của Viện Công nghệ Giáo dục và Đào tạo mở.....	50
III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	50
1. Hiệu trưởng/Phó Hiệu trưởng được phân công.....	50
2. Viện Công nghệ Giáo dục và Đào tạo mở	50
3. Phòng Đào tạo.....	50
4. Phòng QLNH&TTTTV	51
5. Khoa Quốc tế và các khoa liên quan.....	51
6. Phòng Thanh tra – Quản lý chất lượng	51
7. Phòng Kế hoạch - Tài chính.....	51
8. Trách nhiệm của các đơn vị khác.....	51
9. Đơn vị hợp tác cung cấp dịch vụ công nghệ.....	51
IV. CAM KẾT VÀ KIẾN NGHỊ.....	51
1. Cam kết	51
2. Kiến nghị.....	52
V. PHỤ LỤC	

PHẦN 1. THÔNG TIN CHUNG

I. TỔNG QUAN VỀ NHÀ TRƯỜNG

1.1. Quá trình thành lập

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp (Trường/Trường ĐHKTCN/Nhà trường) được thành lập ngày 19/8/1965 theo quyết định số 164/CP Hội đồng Chính phủ. Tính đến năm 2024, Trường đã có lịch sử 59 năm với nhiều giai đoạn và tên gọi khác nhau:

i) **Phân hiệu Đại học Bách khoa tại Thái Nguyên (1965-1966)**: Được thành lập theo Quyết định số 164/CP của Hội đồng Chính phủ ngày 19/8/1965 để đáp ứng nhu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và đáp ứng kịp thời nhu cầu cán bộ khoa học kỹ thuật cho khu gang thép Thái Nguyên. Phân hiệu Đại học Bách khoa tại Thái Nguyên trực thuộc 4 đơn vị chủ quản gồm: Công ty gang thép Thái Nguyên, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Bộ Công nghiệp nặng, Bộ đại học và Trung học chuyên nghiệp ra đời trong điều kiện cơ sở vật chất còn nghèo nàn, lực lượng cán bộ mỏng. Khóa đầu tiên của Trường khai giảng vào ngày 06/12/1965 gồm 206 học sinh, sinh viên. Nhà trường đã đảm bảo tốt nhiệm vụ vừa dạy và học an toàn, vừa ra sức xây dựng cơ sở vật chất và đội ngũ trong thời gian chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ.

ii) **Đại học Cơ Điện (1966-1975)**: Thành lập theo Quyết định số 206/CP của Hội đồng Chính phủ ngày 06/12/1966 về việc đổi tên phân hiệu Đại học Bách khoa thành Trường Đại học Cơ Điện nhằm đáp ứng yêu cầu, tình hình và nhiệm vụ mới về đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật và quản lý trình độ đại học. Trường trực thuộc Bộ đại học và Trung học chuyên nghiệp. Đại học Cơ Điện thành lập trong điều kiện chiến tranh leo thang đánh phá miền Bắc của Mỹ ngày một điên cuồng, cơ sở vật chất bị tàn phá nặng nề. Trong điều kiện khó khăn như vậy thầy và trò Trường Đại học Cơ Điện vẫn không ngừng cố gắng phấn đấu thi đua dạy tốt, học tốt. Trường Đại học Cơ Điện trong 10 năm đầu tiên này đã biết tập hợp lực lượng của mình thành một khối đoàn kết vững chắc thực hiện lời Bác Hồ dạy: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết – Thành công, thành công, đại thành công”. Trải qua 10 năm xây dựng, Nhà trường đã đào tạo được hàng ngàn kỹ sư có trình độ học vấn vững vàng, xây dựng được đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ đại học ở một số ngành thuộc các lĩnh vực quan trọng của nền công nghiệp nặng nước ta, phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, xây dựng chủ nghĩa xã hội trên miền Bắc, làm hậu phương vững chắc cho sự nghiệp giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

iii) **Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Việt Bắc (1976-1982)**: Ra đời nhằm đáp ứng các yêu cầu mới về đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật phục vụ công cuộc xây dựng đất nước sau chiến tranh, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Việt Bắc là tên mới của Trường Đại học Cơ điện theo Quyết định đổi tên Trường số 426/TTG của Thủ tướng chính phủ. Phát huy những truyền thống tốt đẹp trong 10 năm xây dựng và trưởng thành, đồng thời tạo bước tiến mới trong đào tạo đội ngũ và xây dựng cơ sở vật chất, Trường đẩy mạnh các phong trào thi đua học tập, nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học mới vào thực tiễn nhằm nâng cao

chất lượng giáo dục đào tạo và nâng cao uy tín Nhà trường. Đến cuối năm 1982, Trường đã đào tạo được 3214 sinh viên tốt nghiệp Kỹ sư thuộc các ngành: Cơ khí chế tạo máy, cơ khí luyện kim, luyện kim, cán thép và điện khí hóa xí nghiệp.

iv) **Trường Đại học Công nghiệp Thái Nguyên (1982-1994)**: Với chủ trương xây dựng một trung tâm đào tạo đa cấp, đa ngành, Trường Trung học công nghiệp miền núi được sát nhập vào Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Việt Bắc để thành lập Trường Đại học Công nghiệp Thái Nguyên theo Nghị định số 332/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng ngày 18/12/1982. Nhà trường đã tập trung kiện toàn bộ máy, ổn định tổ chức các khoa, xây dựng Trung tâm thực nghiệm Nghiên cứu khoa học – Lao động sản xuất, thành lập Tổ xuất bản phục vụ việc cung cấp tài liệu học tập và giảng dạy cho sinh viên và giảng viên. Song song với việc ổn định tổ chức, Nhà trường rất quan tâm chú trọng việc bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ giáo viên. Có 267 lượt cán bộ giảng viên tham gia nghiên cứu sinh, thực tập sinh và theo học các lớp bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, ngoại ngữ, tin học tại Trường.

v) **Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp (1994 đến nay)**: Với sự ra đời của đại học vùng - Đại học Thái Nguyên theo Nghị định 31/CP/1994 của Chính phủ, Đại học Công nghiệp Thái Nguyên trở thành một thành viên của Đại học Thái Nguyên và mang tên Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp. Đây là giai đoạn đánh dấu một bước ngoặt lớn về sự phát triển mạnh mẽ của Nhà trường với cơ sở vật chất được nâng cao và đội ngũ cán bộ giảng viên không chỉ tăng lên về số lượng mà còn nâng cao cả về chất lượng. Đến năm 2024, bộ máy tổ chức Nhà trường gồm 23 đơn vị trực thuộc, trong đó có 09 khoa, 01 trung tâm đào tạo, 35 bộ môn chuyên môn, 05 phòng thí nghiệm và xưởng thực tập, 07 phòng và 04 trung tâm chức năng, 01 Viện đào tạo, 01 Viện nghiên cứu và 01 Công ty TNHH. Quy mô đào tạo của Trường khoảng 8.000 sinh viên trong nước và quốc tế với 21 ngành, 37 chuyên ngành đào tạo trình độ đại học hệ chính quy, trong đó 02 chương trình tiến tiến và 03 chương trình liên kết đào tạo quốc tế, 07 ngành đào tạo thạc sĩ và 04 ngành đào tạo tiến sĩ.

Đội ngũ cán bộ giảng viên của Trường không ngừng được nâng cao cả về số lượng và chất lượng. Hiện nay, tổng số giảng viên cơ hữu của Nhà trường là 349 người (không kể cán bộ khối văn phòng, phục vụ), trong đó giảng viên có học hàm GS là 01, học hàm PGS là 28 người; trình độ tiến sĩ là 125 người, thạc sĩ là 224, chức danh giảng viên cao cấp là 29, giảng viên chính là 117 người. Trong đó, nhiều giảng viên đã tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ từ nước ngoài như Hoa Kỳ, Đức, Pháp, Hà Lan, Nhật, Hàn Quốc, Đài Loan, v.v.

Trong thời gian qua, Nhà trường luôn quan tâm đầu tư nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất phục vụ đào tạo. Nhà trường hiện có 01 Hội trường, 01 Nhà đa năng, 05 khu giảng đường với 74 phòng học, 04 xưởng thực tập với 18 phòng thí nghiệm, thực hành; 05 phòng máy tính với trên 200 máy; 02 Nhà thư viện với 05 phòng đọc, trên 400 chỗ ngồi và gần 5000 đầu sách giáo trình, tài liệu tham khảo (gồm báo, tạp chí khoa học, luận văn ThS, luận án TS, v.v.).

Ở mỗi chặng đường lịch sử đó, trong chiến tranh cũng như trong hòa bình, thời bao cấp cũng như khi đất nước mở cửa, mỗi giai đoạn phát triển của Nhà trường đều được ghi dấu bằng những mốc son đáng tự hào.

1.2. Sứ mệnh, Tầm nhìn và Giá trị cốt lõi của Trường

1.2.1. Sứ mệnh

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; nghiên cứu khoa học, tư vấn, ứng dụng và chuyển giao công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước và hội nhập quốc tế.

1.2.2. Tầm nhìn

Luôn ở vị thế hàng đầu trong hệ thống các trường đại học công lập thuộc lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ theo định hướng ứng dụng của Việt Nam.

1.2.3. Giá trị cốt lõi:

Giá trị - Vị thế - Niềm tin

a) Giá trị:

- Người học, gia đình và xã hội hài lòng với những giá trị mà người học nhận được;
- Trường tạo ra được những giá trị riêng, giá trị đặc thù trong giáo dục, đào tạo và phục vụ cộng đồng;
- Từng việc, từng người, từng đơn vị của Trường đều hướng đến tạo ra giá trị thực cho người học, cho Nhà trường, xã hội và cũng chính là tạo giá trị cho bản thân.

b) Vị thế:

- Mỗi cá nhân, mỗi đơn vị đều hướng đến mục tiêu xác lập được vị thế của mình trong các mối quan hệ liên quan, cả bên trong và bên ngoài;
- Mỗi cá nhân viên chức, người lao động và đặc biệt là mỗi giảng viên đều không ngừng nỗ lực hoàn thành bổn phận của mình ở mức độ cao, tạo dựng được vị thế trong mối tương quan ở tầm quốc gia thông qua những giá trị riêng, giá trị đặc thù để góp phần tạo dựng vị thế của Trường;
- Mỗi cá nhân người học cũng nỗ lực hoàn thành tốt trách nhiệm học tập của mình, đề tự khẳng định và xác lập vị thế của mình trong mối tương quan tầm quốc gia, khu vực, thông qua những giá trị riêng, giá trị đặc thù không chỉ khi đang học tập mà còn trong công tác sau tốt nghiệp.

c) Niềm tin:

- Xây dựng được văn hóa trách nhiệm, sự tin tưởng đa chiều giữa các cá nhân, giữa các đơn vị. Và cao hơn nữa đó là môi trường giáo dục giúp tạo dựng niềm tin có trí tuệ cho người học, đó là niềm tin vào bản thân, niềm tin vào xã hội, niềm tin vào cuộc sống và với những người xung quanh;
- Khi mỗi cá nhân nói riêng, Nhà trường nói chung có được vị thế nhất định, đó chính là cơ sở để tạo dựng được niềm tin của xã hội đối với Nhà trường.

Giá trị - Vị thế - Niềm tin, đây chính là giá trị cốt lõi, soi chiếu đến hay hướng mục đích cho mọi công việc, thái độ ứng xử của mỗi cá nhân hay đơn vị của Trường.

II. CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

2.1. Cơ sở pháp lý

Đề án này được xây dựng dựa trên những căn cứ sau:

- Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI (Nghị quyết số 29-NQ/TW) về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;
- Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;
- Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học;
- Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 – 2030;
- Thông tư số 28/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023 về việc Ban hành Quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học;
- Thông tư số 30/2023/TT-BGDĐT ngày 29/12/2023 về việc Quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo trực tuyến đối với giáo dục đại học;
- Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;
- Nghị quyết 06/NQ-CP ngày 10/01/2023 của Chính phủ về phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, bền vững và hội nhập nhằm phục hồi nhanh kinh tế - xã hội;
- Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19/11/2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;
- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp lần thứ XIV nhiệm kỳ 2020–2025;
- Nghị quyết số 15/NQ-HĐT ngày 22/01/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp về việc Thông qua chủ trương mở ngành đào tạo trình độ đại học; mở đào tạo từ xa, mở đào tạo song ngữ đối với các ngành đào tạo trình độ đại học; mở đào tạo bằng tiếng Anh đối với các ngành đào tạo trình độ thạc sĩ;
- Nghị quyết số 28/NQ-HĐT ngày 21/6/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHKTCN;
- Quyết định số 536/QĐ-ĐHTN ngày 27/3/2015 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc cho phép Trường ĐHKTCN mở chuyên ngành đào tạo trình độ đại học.

2.2. Cơ sở thực tiễn

2.2.1. Thế giới

E-Learning (viết tắt của từ Electronic Learning) nếu hiểu theo nghĩa rộng là một thuật ngữ dùng để mô tả việc học tập, đào tạo dựa trên công nghệ thông tin và truyền thông (CNTT&TT), đặc biệt là công nghệ thông tin. Dạy học trực tuyến đã xóa nhòa mọi khoảng cách về không gian, thời gian, sự dễ dàng và thuận tiện mà dạy học trực tuyến tạo ra sức hấp dẫn cho người học ở khắp mọi nơi, đặc biệt là những người đang cố gắng cân bằng giữa công việc, gia đình

và các nghĩa vụ khác với việc hoàn thành chương trình cấp bằng hoặc chứng chỉ. Từ năm 2012, một số quốc gia trên thế giới đã có những chiến lược đúng đắn để đầu tư, phát triển cho hình thức dạy học trực tuyến với mục tiêu: Phổ cập, nâng cao chất lượng học tập và giảng dạy; Đáp ứng phong cách học tập hoặc nhu cầu của người học; Cải thiện khả năng tiếp cận của người dùng và tính linh hoạt về thời gian để thu hút người học tham gia vào quá trình học tập. Trên thế giới, có thể kể đến một số hình thức đào tạo E-Learning phổ biến sau:

- Đào tạo dựa trên công nghệ (TBT - Technology-Based Training) là hình thức đào tạo có sự áp dụng công nghệ, đặc biệt là dựa trên công nghệ thông tin.

- Đào tạo dựa trên máy tính (CBT - Computer-Based Training). Hiểu theo nghĩa rộng, thuật ngữ này nói đến bất kì một hình thức đào tạo nào có sử dụng máy tính. Nhưng thông thường thuật ngữ này được hiểu theo nghĩa hẹp để nói đến các ứng dụng (phần mềm) đào tạo trên các đĩa CD-ROM hoặc cài trên các máy tính độc lập, không nối mạng, không có giao tiếp với thế giới bên ngoài. Thuật ngữ này được hiểu đồng nhất với thuật ngữ CD-ROM Based Training.

- Đào tạo dựa trên Web (WBT - Web-Based Training): là hình thức đào tạo sử dụng công nghệ Web. Nội dung học, các thông tin quản lý khoá học, thông tin về người học được lưu trữ trên máy chủ và người dùng có thể dễ dàng truy nhập thông qua trình duyệt Web. Người học có thể giao tiếp với nhau và với giáo viên, sử dụng các chức năng trao đổi trực tiếp, diễn đàn, e-mail,... thậm chí có thể nghe được giọng nói và nhìn thấy hình ảnh của người giao tiếp với mình.

- Đào tạo trực tuyến (Online Learning/Training): là hình thức đào tạo có sử dụng kết nối mạng để thực hiện việc học chẳng hạn như lấy tài liệu học, giao tiếp giữa người học với nhau và với giáo viên... thông qua các công cụ kết nối như: máy tính, các thiết bị di động.

- Đào tạo từ xa (Distance Learning): Thuật ngữ này nói đến hình thức đào tạo trong đó người dạy và người học không ở cùng một chỗ, thậm chí không cùng một thời điểm. Ví dụ như việc đào tạo sử dụng công nghệ hội thảo cầu truyền hình hoặc công nghệ Web.

Sự phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay đang là lực đẩy để E-Learning tiếp tục tiến xa hơn trong tương lai và ước tính sẽ đạt 325 tỷ đô la trên toàn cầu vào năm 2025, bởi nhiều nước trên thế giới, đặc biệt là các nước có sức ép lớn về dân số, kinh tế như Ấn Độ, Philippines, Mexico... coi E-Learning như cơ hội để đuổi kịp và san bằng khoảng cách với các nước phát triển. Theo tờ University World News, tổng doanh thu đạt được trong lĩnh vực E-Learning năm 2018 của khu vực Châu Á là khoảng 12,1 tỷ USD, trong đó Ấn Độ và Trung Quốc là hai quốc gia dẫn đầu, chiếm tới 70% vốn đầu tư mạo hiểm và 30% tổng số người dùng giáo dục trực tuyến toàn thế giới.

Hoa Kỳ là quốc gia luôn nằm trong số quốc gia đứng hàng đầu về giáo dục trực tuyến trên thế giới hiện nay, với hàng trăm trường cao đẳng trực tuyến và hàng nghìn khóa học trực tuyến dành cho sinh viên. Có hơn 80% trường đại học ở Mỹ sử dụng phương thức đào tạo E-Learning. Chẳng hạn, Trường đại học Arizona State University hiện nay có 130.000 sinh viên, trong đó 40.000 sinh viên học online. Bên cạnh đó, E-Learning còn được coi như là một kênh

đào tạo nhân viên hiệu quả khi có tới 77% công ty ở Mỹ đưa các khóa học E-Learning vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng nhân viên của mình. Gần 90% trường Đại học tại Singapore sử dụng phương pháp đào tạo trực tuyến. Tại Hàn Quốc, Trường Đại học Hanyang trên toàn hệ thống có khoảng 30.000 sinh viên nhưng riêng hệ thống dạy online 100% thì chiếm tới hơn 25.000 sinh viên, gấp 5 lần học offline. Một nghiên cứu năm 2011 của Sloan Consortium cho thấy 6 triệu sinh viên ở Mỹ đang tham gia ít nhất một khóa học trực tuyến, gần một phần ba trong số đó đăng ký học đại học. Trên thực tế, số đăng ký tham gia các khóa học trực tuyến đang vượt xa tỷ lệ đăng ký của giáo dục đại học nói chung, với sự gia tăng 10% số sinh viên trực tuyến từ năm 2010 đến năm 2011 so với mức tăng chỉ 2% nói chung. Đáp lại, 65% các cơ sở giáo dục đại học hiện nay nói rằng học trực tuyến là một phần quan trọng trong chiến lược dài hạn của họ. Tất nhiên, Mỹ không chỉ dẫn đầu về số lượng tuyệt đối. Hầu hết các trường đại học danh tiếng ở Hoa Kỳ cung cấp ít nhất một số khóa học trực tuyến và một số trường đã phát triển đầy đủ các chương trình cấp bằng trực tuyến, ngay cả ở cấp độ thạc sĩ và tiến sĩ. Thậm chí có ảnh hưởng lớn hơn là các chương trình giáo dục mở của Hoa Kỳ như các chương trình được cung cấp tại MIT, vốn là mô hình quốc tế để học tập. Theo nghiên cứu khác vào năm 2017, ít nhất 6 triệu sinh viên Mỹ đã tham gia các khóa học đại học trực tuyến để đào tạo chuyên môn và luyện thi chứng chỉ hàng năm và giá trị của thị trường E-Learning của Mỹ vào khoảng 23 tỷ đô la.

Đứng ở vị trí thứ hai về sự vươn lên của ngành dạy học trực tuyến là Ấn Độ, nơi mà học trực tuyến đã phát triển nhanh hơn so với các cơ sở giáo dục truyền thống trong nước. Đất nước này đã từng phải đối mặt với một cuộc khủng hoảng giáo dục lớn với hơn một nửa dân số của đất nước chỉ được tiếp cận giáo dục hạn chế - cụ thể là chỉ đến lớp 4. Cuộc khủng hoảng này đến từ hai nguyên nhân chính như sau: Một là: địa lý và phương tiện di chuyển; Hai là: eo hẹp, khó khăn về tài chính. Chính điều này là hạn chế nhưng cũng là động lực để E-Learning mở đường cho sự phát triển trên quy mô lớn trong vài năm qua. Nó cho phép mọi người ở ngay cả những vùng xa xôi nhất của đất nước có thể tiếp cận với trường học và giáo dục đại học, miễn là họ có kết nối Internet tốt. Sự ra đời của lĩnh vực E-Learning ở Ấn Độ đã góp phần giảm bớt khoảng cách giàu nghèo, tri thức... trong xã hội. Thông qua việc học trực tuyến, mọi người có thể tiếp cận với bất cứ điều gì họ muốn học trong khi có thể làm việc để hỗ trợ bản thân và gia đình của họ.

Từ năm 2012, Trung Quốc có gần 70 trường cao đẳng trực tuyến khác nhau, con số vẫn tăng theo từng năm để đáp ứng nhu cầu cao về cơ hội học tập trực tuyến. Trung Quốc là đất nước có lịch sử lâu đời về giáo dục từ xa, bắt đầu từ những năm 1960 với các khóa học được cung cấp qua đài phát thanh và truyền hình. Ngày nay, quốc gia này cũng đang nhanh chóng trở thành quốc gia đi đầu trong lĩnh vực giáo dục trực tuyến. Bên cạnh các vấn đề về truy cập Internet ở các vùng nông thôn và sự gia tăng tự đào tạo, tự cấp bằng của các nhà máy ở Trung Quốc, một số công ty giáo dục trực tuyến lớn đang tăng trưởng nhanh chóng, phần lớn là do nhu cầu gia tăng lao động được đào tạo chuyên sâu của lực lượng lao động toàn cầu đến từ Trung Quốc.

Khi nói đến những tiến bộ trong dạy học trực tuyến ở các quốc gia Châu Á, Hàn Quốc đã có những lúc dẫn đầu do sự thúc đẩy bởi ngành công nghệ cao đang phát triển mạnh mẽ và độ bao phủ truy cập Internet tốc độ cao rộng khắp ở quốc gia này. Tuy nhiên, đã có những thời điểm mà sự phát triển của dạy học trực tuyến ở Hàn Quốc gặp trở ngại, phần lớn xuất phát từ sự kỳ thị giáo dục trực tuyến vẫn còn tồn tại trong xã hội Hàn Quốc, nơi giáo dục trực diện được đánh giá cao. Tuy nhiên, điều đó có thể không cản trở sự phát triển của các chương trình giáo dục trực tuyến của quốc gia này vì họ có kế hoạch sử dụng các nguồn lực của mình để không chỉ dạy học sinh Hàn Quốc mà còn cả những học sinh ở các quốc gia khác trên thế giới, cung cấp thêm các khóa học bằng tiếng Anh và thúc đẩy khả năng của họ để cung cấp những gì họ gọi là “học tập thông minh”. Họ cũng đang làm việc để khuyến khích nhiều sinh viên Hàn Quốc đăng ký học, ghép nối các khóa học trực tuyến với các hoạt động trên không gian ảo trong khuôn viên trường hoặc trong các môi trường xã hội.

Trong khu vực Đông Nam Á, Malaysia có thể được coi là quốc gia phát triển E-Learning điển hình nhất. Malaysia ước tính có khoảng 21 triệu người (68% dân số) truy cập Internet và ước tính có 19,9 triệu người dùng điện thoại thông minh (64% dân số) - cho thấy cơ sở hạ tầng Internet mạnh mẽ và sự thâm nhập của điện thoại di động. Mặc dù tỷ lệ nhập học các bậc trước đại học của Malaysia là khoảng 98%, nhưng khả năng tiếp cận giáo dục đại học vẫn là một thách thức đối với nhiều người Malaysia ở các vùng nông thôn, vùng sâu vùng xa và vùng kém phát triển. Đáp lại, chính phủ Malaysia đang đầu tư mạnh mẽ vào hệ thống phân phối và quản lý E-Learning trong các cơ sở giáo dục đại học, đặc biệt là việc số hóa sách giáo khoa và cung cấp máy tính xách tay và máy tính bảng cho sinh viên từ những năm 2018. Thế hệ trẻ rất hào hứng với các giải pháp của E-Learning và giáo dục trực tuyến, cho phép thị trường E-Learning của Malaysia phát triển mạnh mẽ.

2.2.2. Việt Nam

Trên thực tế, việc học trực tuyến đã không còn mới mẻ ở các nước trên thế giới. Song ở Việt Nam, nó mới chỉ bắt đầu phát triển một số năm gần đây, đồng thời với việc kết nối Internet băng thông rộng được triển khai mạnh mẽ tới tất cả các trường học. Nghị quyết 58 của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển CNTT phục vụ sự nghiệp CNH-HĐH” đã xác định: “Về giáo dục - đào tạo, ứng dụng CNTT để đổi mới phương thức giáo dục từ truyền thụ kiến thức sang phát triển năng lực cá nhân; nâng cao sự bình đẳng về cơ hội trong giáo dục - đào tạo”. Một vấn đề rất đáng khích lệ và có thể nghiên cứu áp dụng tại Việt Nam chính là việc triển khai thành công mô hình E-Learning, phổ cập về các vùng quê, vùng xa nhằm nâng cao chất lượng sống của người dân. E-Learning trở thành một phương thức đóng vai trò giải quyết vấn đề thiếu hụt giảng viên cho các vùng sâu, vùng xa cho hầu hết các quốc gia đang phát triển. Nhiều cơ sở đào tạo ở Việt Nam đã quyết định kết hợp CNTT vào tất cả mọi cấp độ giáo dục nhằm đổi mới chất lượng học tập trong tất cả các môn học và trang bị cho lớp trẻ đầy đủ công cụ và kỹ năng cho kỷ nguyên CNTT. Ngoài việc xây dựng thêm trường, lớp phục vụ cho việc

học tập theo phương thức truyền thống, nhiều cơ sở đào tạo đang tìm cách kết hợp hình thức đào tạo trực tuyến để cung cấp dịch vụ giáo dục đến với người dân.

Ngày 10/9/2015 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1559/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án “Phát triển đào tạo từ xa giai đoạn 2015-2020”. Bộ GD&ĐT đã ban hành Kế hoạch số 431/KH-BGDĐT ngày 22/6/2016 về kế hoạch thực hiện Đề án “Phát triển đào tạo từ xa giai đoạn 2015-2020”, Thông tư số 10/2017/TT-BGDĐT, số 28/2023/TT-BGDĐT ban hành Quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học; ban hành các văn bản quy định về đào tạo từ xa trong đó quy định cụ thể các tiêu chí bảo đảm chất lượng đối với chương trình đào tạo từ xa cấp văn bằng; ban hành quy định không ghi hình thức đào tạo trên văn bằng với định hướng bỏ phân biệt bằng cấp đối với các hình thức đào tạo khác nhau (chính quy, vừa làm vừa học, đào tạo từ xa). Chỉ đạo các trường đại học đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá; xây dựng và khai thác sử dụng bài giảng E-Learning, học liệu số phục vụ nhu cầu tự học và đổi mới, sáng tạo trong hoạt động dạy và học. Hiện nay, việc triển khai đào tạo theo phương thức E-Learning đã được tổ chức tại nhiều trường đại học như Trường Đại học Mở Hà Nội, Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, Trường Đại học Trà Vinh, Đại học Huế, Đại học Đà Nẵng, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, Trường Đại học Công nghệ thông tin - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân, Trường Đại học Hà Nội, Trường Đại học Duy Tân, Trường Đại học Cần Thơ, Trường Đại học Vinh, Trường Đại học FPT, Đại học Thái Nguyên...; bản thân Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp cũng đang tổ chức đào tạo 03 chương trình theo hình thức này. Tùy theo mức độ ứng dụng công nghệ thông tin truyền thông trong đào tạo, mức độ đầu tư về học liệu điện tử và mục đích đào tạo mà việc triển khai đào tạo E-Learning ở mỗi cơ sở đào tạo hiện nay có sự khác nhau, bao gồm đào tạo toàn phần, đào tạo một số học phần, các khóa đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn, các khóa học ngoại ngữ. Cục Công nghệ thông tin của Bộ GD&ĐT đã triển khai cổng E-Learning nhằm cung cấp một cách có hệ thống các thông tin E-Learning trên thế giới và ở Việt Nam. Bên cạnh đó, một số công ty phần mềm ở Việt Nam đã tung ra thị trường một số sản phẩm hỗ trợ đào tạo. Tuy các sản phẩm này chưa phải là sản phẩm lớn, được đóng gói hoàn chỉnh nhưng đã bước đầu góp phần thúc đẩy sự phát triển E-Learning ở Việt Nam.

Tại Việt Nam, vài năm trở lại đây, mô hình giáo dục này đang được các doanh nghiệp và cả các trường đại học đầu tư phát triển mạnh mẽ, dần thu hút sự quan tâm của nhiều đối tượng học. Các đơn vị cung cấp E-Learning được nhiều người ở Việt Nam biết đến hiện nay: Công ty CP Tư vấn Dịch vụ Đào tạo AUM Việt Nam, Tổ hợp Công nghệ giáo dục TOPICA, OnEdu của Công ty cổ phần phát triển dịch vụ học tập và giải trí trực tuyến (Net2E), Cleverlearn,... Mô hình đào tạo E-Learning mà ở đó khung chương trình sẽ có các giờ học trực tuyến, người học dù bất kỳ đâu cũng có thể theo dõi bài giảng của

giảng viên và trực tiếp thảo luận với tất cả thành viên trong hệ thống giống như họ có mặt trong một phòng học tập trung.

Đặc biệt khi cần giãn cách xã hội, có thời điểm nhiều cơ sở giáo dục đại học đã phải đóng cửa, dừng đào tạo. Khi đó, hình thức đào tạo trực tuyến đã trở thành một giải pháp công nghệ hiệu quả giúp các trường đại học duy trì hoạt động dạy và học, đảm bảo kế hoạch đào tạo được thực hiện theo tiến độ. Do đó, có thể thấy rằng việc dạy học trực tuyến nói riêng hay đào tạo từ xa nói chung đang và sẽ trở thành một xu thế tất yếu của xã hội để thích ứng với những tình hình mới.

III. KHẢO SÁT NHU CẦU NGƯỜI HỌC

Ngôn ngữ Anh xuất hiện trong nhiều lĩnh vực lĩnh vực như kinh tế đối ngoại, sự phạm ngoại ngữ, marketing, công nghệ thông tin, tài chính ngân hàng. Với sự phát triển và hội nhập quốc tế của Việt Nam, nguồn nhân lực thông thạo ngoại ngữ, có đào tạo bài bản về kỹ năng nghiệp vụ sẽ có nhiều cơ hội với các công việc có giao thiệp quốc tế. Theo thống kê, trong giai đoạn từ nay đến năm 2025 mỗi năm ngành du lịch cần khoảng 27.000 người/năm, nhu cầu nhân lực về ngôn ngữ nước ngoài, trong đó ngôn ngữ Anh chiếm phần lớn; bên cạnh đó với sự phát triển của các khu công nghiệp có vốn đầu tư và công nghệ nước ngoài cũng đang cần một lượng lớn nguồn nhân lực này... trong khi số lượng sinh viên chuyên ngành ra trường hằng năm không đáp ứng đủ. Do vậy những ngành, nhóm ngành ngoại ngữ là một trong những ngành nghề thiếu nhân lực trong tương lai. Vì thế cơ hội nghề nghiệp cho các bạn có chuyên môn ngoại ngữ là vô cùng phong phú bao gồm sự phạm ngoại ngữ, dịch thuật, phiên dịch hoặc có thể lấn sân sang kinh doanh quốc tế, quan hệ công chúng, tổ chức sự kiện.

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đã thực hiện khảo sát thông tin về nhu cầu đào tạo từ xa ngành Ngôn ngữ Anh từ các cơ sở liên kết đào tạo, các trường cao đẳng, trường nghề, đối tác tuyển sinh, Trung tâm Giáo dục thường xuyên các tỉnh: Hòa Bình, Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Bắc Kạn, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Hà Nội và đã nhận được phản hồi tích cực về nhu cầu học tập, nguồn tuyển sinh.

Trên cơ sở đó, việc xây dựng và triển khai Đề án đào tạo từ xa trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp là cấp thiết, phù hợp với xu hướng phát triển của xã hội và chiến lược phát triển của Nhà trường.

IV. SỰ CẦN THIẾT CỦA ĐỀ ÁN

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu, Việt Nam được tiếp cận với nền công nghiệp mới, hiện đại, và nền kinh tế tri thức của các nước phát triển. Trong giai đoạn hội nhập kinh tế, để theo kịp trình độ các nước phát triển, đòi hỏi chúng ta phải đổi mới toàn diện trong đó yếu tố quan trọng nhất là phát triển nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn giỏi, có năng lực sáng tạo trong học tập, nghiên cứu và trong công việc.

Cùng với sự chuyển mình của nền kinh tế, nền giáo dục nước ta đang từng bước hội nhập và phát triển. Điều này được nêu rõ trong Nghị quyết “Đổi mới cơ bản và toàn diện

giáo dục Đại học Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020” số 14/2005/NQ – CP ngày 2/11/2005. Trên cơ sở “*Tạo chuyển biến cơ bản về chất lượng giáo dục theo hướng tiếp cận với thế giới và phù hợp với thực tiễn Việt Nam, phục vụ thiết thực phát triển kinh tế xã hội, đưa nền giáo dục nước ta thoát khỏi tình trạng tụt hậu so với khu vực...*”. Xuất phát từ yêu cầu đó, mục tiêu cụ thể đối với giáo dục Đại học được chỉ rõ: “*Đáp ứng nhu cầu nhân lực trình độ cao cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao năng lực cạnh tranh và hợp tác bình đẳng trong hội nhập quốc tế...*”.

Từ khi loại hình đào tạo từ xa hình thức E-Learning (ĐTTX) được Bộ GD&ĐT cho phép triển khai đã tạo nên những bước chuyển biến tích cực về việc đào tạo, bồi dưỡng nhân lực cho đất nước, đáp ứng nhu cầu học tập, nâng cao trình độ của người học. Loại hình ĐTTX ra đời đã góp phần tạo cơ hội tốt nhất cho người học cả về không gian và thời gian, qua đó, mọi người học không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, nam nữ, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, đáp ứng đủ các yêu cầu về hồ sơ tuyển sinh đều được nhận vào học.

Với những ưu điểm nổi bật như thời gian học linh động, tiết kiệm chi phí và thời gian di chuyển, ĐTTX đang dần trở thành một trong những lựa chọn tối ưu cho những ai muốn nâng tầm kiến thức của bản thân để phục vụ tốt hơn cho công việc và cuộc sống hàng ngày.

V. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

Trong quá trình phát triển, Trường ĐHKTCN với phương châm phát triển các loại hình và ngành nghề đào tạo đa dạng, tương xứng với chất lượng đào tạo của Nhà trường. Do vậy, quy mô người học của Trường càng ngày càng được nâng cao. Tuy nhiên, trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, phương thức đào tạo truyền thống cũng thể hiện nhiều hạn chế về khoảng cách địa lý, thời gian đào tạo và sự phát triển đào tạo trong phạm vi khu vực và thế giới bị giới hạn.

Do đó, khi xây dựng chương trình ĐTTX Ngôn ngữ Anh ở Trường ĐHKTCN xác định:

- Một là, chương trình sử dụng chương trình đào tạo chính quy được xây dựng theo hướng tiệm cận với các chương trình chuẩn của các trường đại học tiên tiến trên thế giới. Chương trình đào tạo từ xa ngành Ngôn ngữ Anh của Nhà trường là chương trình đào tạo đang được áp dụng cho hình thức đào tạo chính quy được điều chỉnh cho phù hợp với hình thức ĐTTX.

- Hai là, học liệu giảng dạy trong chương trình là hệ thống các học liệu cập nhật, tiệm cận quốc tế được xây dựng bởi các giảng viên uy tín của Trường và những trường đại học hàng đầu về ngành đào tạo.

- Ba là, hệ thống công nghệ phục vụ giảng dạy, học tập trực tuyến và quản lý người học phục vụ 24/7 ứng dụng các công nghệ tiên tiến như Machine Learning, AI, Gamification, Individual learning plan, Visual Class Room,...

- Bốn là, giảng viên giảng dạy trong chương trình có trình độ cao, được đào tạo qua các khóa về giảng dạy trực tuyến. Bên cạnh đó, chương trình còn mời các chuyên gia, nhà quản lý, các lãnh đạo doanh nghiệp có trình độ và kinh nghiệm trực tiếp giảng dạy, chia sẻ kiến thức thực tiễn của học phần cho người học.

- Năm là, để quá trình đào tạo tăng tính thực tiễn, đối với một số học phần, người học được tham gia các Dự án thực tiễn tại các doanh nghiệp phù hợp. Người học được chương trình cam kết đảm bảo việc làm khi hoàn thành khóa học nếu đạt được một số điều kiện của chương trình.

- Sáu là, trong quá trình học tập người học có thể được chuyển tiếp sang một số trường đại học của Trung Quốc, Đài Loan, Úc, Đức, Nhật Bản... hoặc các chương trình trong nước và quốc tế mà Trường ĐHKTCN ký kết.

Việc xây dựng chương trình ĐTTX, Trường ĐHKTCN hướng tới những mục tiêu sau:

- Thứ nhất, đổi mới cách thức đào tạo, sử dụng những thế mạnh từ khoa học công nghệ và những tiến bộ công nghệ trong đào tạo là một hướng đi cần thiết nhằm phát triển các ngành đào tạo của Nhà trường trên phạm vi rộng ở tất cả các tỉnh thành, khu vực và thế giới.

- Thứ hai, nâng cao được hiệu quả của quá trình đào tạo và đa dạng hóa được đối tượng người học ở nhiều độ tuổi, khu vực (trong và ngoài nước), thời gian và thời lượng đào tạo.

- Thứ ba, qua chương trình, giúp giảng viên của Trường tiếp cận với công nghệ hiện đại trong quản lý giảng dạy và giảng dạy đại học. Các giảng viên dễ dàng trao đổi kết nối nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật mà các hình thức đào tạo trước đây rất tốn kém và khó thực hiện. Đây cũng là hướng đi giúp các chương trình của Trường có thể sử dụng các bài giảng điện tử tiên tiến, đội ngũ giảng viên từ khắp các trường đại học trên cả nước, khu vực và thế giới... mà các phương thức đào tạo truyền thống trước đây không có khả năng thực hiện do chi phí nhập khẩu tài liệu, mời giảng quá cao.

Thông qua việc xây dựng chương trình ĐTTX theo mô hình tiên tiến, hướng đi mà Đề án xác định trước mắt xây dựng chương trình ĐTTX hình thức E-Learning dựa trên chương trình đào tạo Ngôn ngữ Anh đã có uy tín, mang thương hiệu của Nhà trường, là thế mạnh của Nhà trường trong nhiều năm.

PHẦN 2. NỘI DUNG CHÍNH CỦA ĐỀ ÁN

I. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐHTX NGÀNH NGÔN NGỮ ANH

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh

Tên tiếng Anh: English Language

Mã ngành: 7220201

Chuyên ngành đào tạo: Tiếng Anh Khoa học Kỹ thuật và Công nghệ

Trình độ đào tạo: Đại học

Hình thức đào tạo: Đào tạo từ xa

Thời gian đào tạo: 2 đến 4 năm (tùy thuộc đối tượng đầu vào)

Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân

Phương thức tuyển sinh: Theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT và xét tuyển theo Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp

Điều kiện tốt nghiệp: Hoàn thành chương trình theo Quy chế đào tạo

Tên văn bằng: Cử nhân Ngôn ngữ Anh

II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh Chuyên ngành Tiếng Anh Khoa học Kỹ thuật và Công nghệ đào tạo người học có kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức Tiếng Anh cơ bản, cơ sở và chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ, có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp, kỹ năng biên dịch, phiên dịch và giảng dạy, có khả năng tự chủ và tự chịu trách nhiệm, có phẩm chất chính trị, đạo đức, thái độ nghề nghiệp phù hợp, đáp ứng yêu cầu của xã hội về nguồn nhân lực tiếng Anh trong xu thế hội nhập quốc tế hiện nay.

2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Tiếng Anh Khoa học Kỹ thuật và Công nghệ sẽ cung cấp cho người học có kiến thức, kỹ năng và phẩm chất cụ thể như sau:

MT 1: Nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có đủ kiến thức về lý luận chính trị, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội nhân văn, khoa học kỹ thuật ở trình độ đại học; áp dụng những thông tin, kiến thức đã học vào các tình huống thực tế, có được những kiến thức tiếng Anh cơ bản và tiếng Anh cơ sở ngành; có được những kiến thức tiếng Anh chuyên ngành liên quan đến các nhóm ngành khoa học, kỹ thuật, công nghệ và giảng dạy.

MT 2: Tuân thủ chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; thực hiện tốt nghĩa vụ công dân; trách nhiệm với cộng đồng và xã hội; có đạo đức và uy tín nghề nghiệp; có ý thức kỷ luật và tác phong làm việc chuyên nghiệp; có kỹ năng phản biện, phê phán và các kỹ năng cần thiết để hoàn thành tốt công việc; có phương pháp làm việc khoa học, biết phân tích và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn; chủ động nghiên cứu và khám phá tri thức, hình thành tư duy hệ thống; dám nghĩ, dám làm, kiên trì, tận tụy và tinh thần trách nhiệm cao; có kỹ năng giao tiếp, tự tin trình bày, và diễn giải các vấn đề thông qua các tiểu luận, báo cáo một cách chuyên nghiệp.

MT 3: Có kỹ năng làm việc nhóm, xây dựng tinh thần đoàn kết, hợp tác trong học tập và trong các hoạt động; có phương pháp làm việc ở những vai trò khác nhau trong một tập

thể; có phương pháp tổ chức, quản lý nhóm hiệu quả; có kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm; có năng lực ngoại ngữ phụ đạt bậc 3/6 hoặc tương đương theo Khung năng lực ngoại ngữ quốc gia.

MT 4: Hiểu biết về bối cảnh xã hội và môi trường làm việc để nhận định được những tiềm năng, cơ hội, thách thức của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, kiểm tra các hoạt động tại cơ sở làm việc, đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành, từ đó đề xuất các giải pháp để giải quyết vấn đề trong quá trình thực hiện những nhiệm vụ được giao.

III. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	TĐNL ¹
1	KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH	
1.1	Vận dụng được các kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, lý luận chính trị, pháp luật, QP - AN trong hoạt động chuyên môn và trong thực tiễn cuộc sống.	3
1.2	Phân tích và tổng hợp được các kiến thức về ngôn ngữ Anh, dịch thuật và phương pháp nghiên cứu khoa học.	4
1.3	Thiết kế, triển khai kế hoạch giảng dạy, biên - phiên dịch, xử lý các văn bản liên quan đến tiếng Anh đặc biệt là tiếng Anh khoa học, kỹ thuật và công nghệ.	5
2	KỸ NĂNG, TỐ CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP	
2.1	Lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề trong các lĩnh vực biên dịch, phiên dịch, đối ngoại, giảng dạy và văn phòng.	4
2.2	Nghiên cứu và khám phá tri thức một cách tích cực, chủ động.	4
2.3	Tư duy hệ thống về việc sử dụng các kiến thức cơ bản, cơ sở và chuyên ngành để rèn luyện kỹ năng làm việc khoa học, chuyên nghiệp.	4
2.4	Quản lý thời gian và phân bổ công việc hợp lý; có khả năng học tập suốt đời, sẵn sàng cho sự phát triển và thăng tiến trong nghề nghiệp.	5
2.5	Thích ứng và làm việc chuyên nghiệp trong các tổ chức thuộc các lĩnh vực giáo dục, khoa học, kỹ thuật và công nghệ, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp.	4
2.6	Vận dụng kỹ năng tin học để hoàn thành tốt các công việc như: giảng dạy, soạn thảo văn bản, biên phiên dịch, làm đề án, dự án.	3
3	KỸ NĂNG VÀ TỐ CHẤT XÃ HỘI	
3.1	Tổ chức, quản lý và làm việc nhóm hiệu quả.	5
3.2	Giao tiếp hiệu quả dưới nhiều hình thức: đối thoại, văn bản, điện tử, đồ họa, thuyết trình, hội họp.	4

¹ Thang trình độ năng lực:

+ Về kiến thức: 1 - Biết, 2 - Hiểu, 3 - Ứng dụng, 4 - Phân tích, 5 - Đánh giá, 6 - Sáng tạo.

+ Về thái độ: 1 - Tiếp nhận; 2 - Đáp ứng; 3 - Đánh giá thừa nhận; 4 - Tổ chức thực hiện; 5 - Đặc trưng hoá

+ Về kỹ năng: 1 - Bất chước; 2 - Làm được; 3 - Chính xác; 4 - Phối hợp; 5 - Thuần thực

3.3	Sử dụng ngoại ngữ phụ hiệu quả trong hầu hết các tình huống giao tiếp quen thuộc thường ngày ở trình độ B1 hoặc tương đương.	3
4	NĂNG LỰC ÁP DỤNG KIẾN THỨC VÀO THỰC TIỄN (NĂNG LỰC C-D-I-O) ĐẶT TRONG BỐI CẢNH XÃ HỘI VÀ DOANH NGHIỆP	
4.1	Phân tích bối cảnh trong nước và quốc tế, bối cảnh lịch sử và giá trị đương đại.	4
4.2	Tôn trọng văn hóa doanh nghiệp trên cơ sở hiểu biết về môi trường làm việc để nhận định được những tiềm năng, cơ hội, thách thức của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.	5
4.3	Hình thành ý tưởng, thiết lập mục tiêu và đảm bảo có phương pháp làm việc phù hợp để đạt được mục tiêu.	4
4.4	Thiết kế chương trình làm việc hiệu quả, phù hợp với mục tiêu.	5
4.5	Triển khai, kiểm tra, kiểm chứng các hoạt động tại cơ sở làm việc, đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành.	4
4.6	Xác định các kiến thức, kỹ năng và thái độ để sáng tạo, khởi nghiệp trong lĩnh vực giáo dục, khoa học, kỹ thuật và công nghệ.	4

IV. MA TRẬN TƯƠNG QUAN MỤC TIÊU – CDR

CDR	NỘI DUNG	MỤC TIÊU CỦA CTĐT			
		MT 1	MT 2	MT 3	MT 4
1	KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH				
1.1	Kiến thức khoa học cơ bản	✓	✓	✓	✓
1.2	Kiến thức nền tảng	✓	✓	✓	✓
1.3	Kiến thức chuyên ngành	✓	✓	✓	✓
2	KỸ NĂNG, TỐ CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP				
2.1	Lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề trong các lĩnh vực biên dịch, phiên dịch, đối ngoại, giảng dạy và VP.	✓	✓	✓	✓
2.2	Nghiên cứu và khám phá tri thức	✓	✓		✓
2.3	Có khả năng tư duy hệ thống về lĩnh vực đảm nhiệm	✓	✓		✓
2.4	Có kỹ năng quản lý thời gian, phân bổ công việc hợp lý và có khả năng học tập suốt đời để sẵn sàng cho sự phát triển và thăng tiến trong nghề nghiệp.	✓	✓		✓
2.5	Có khả năng thích ứng và làm việc chuyên nghiệp trong các tổ chức thuộc các lĩnh vực giáo dục, khoa học, kỹ thuật và công nghệ, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp.	✓	✓		✓
2.6	Vận dụng kỹ năng tin học để hoàn thành tốt các công việc như: giảng dạy, soạn văn bản, biên phiên dịch, làm đề án, dự án.	✓	✓	✓	✓

3	KỸ NĂNG VÀ TỐ CHẤT XÃ HỘI				
3.1	Có kỹ năng làm việc nhóm và có phương pháp tổ chức, quản lý nhóm hiệu quả.	✓	✓	✓	✓
3.2	Giao tiếp hiệu quả dưới nhiều hình thức: đối thoại, văn bản, điện tử, đồ họa, thuyết trình, hội họp.	✓	✓	✓	✓
3.3	Sử dụng ngoại ngữ phụ hiệu quả trong hầu hết các tình huống giao tiếp quen thuộc thường ngày ở trình độ B1/trương đương.	✓	✓	✓	✓
4	NĂNG LỰC ÁP DỤNG KIẾN THỨC VÀO THỰC TIỄN (NĂNG LỰC C-D-I-O) ĐẠT TRONG BỐI CẢNH XÃ HỘI VÀ DOANH NGHIỆP				
4.1	Có hiểu biết về bối cảnh trong nước và quốc tế, hiểu biết về lịch sử, văn hóa, các vấn đề và giá trị của thời đại.	✓	✓	✓	✓
4.2	Có hiểu biết về môi trường làm việc để nhận định được những tiềm năng, cơ hội, thách thức của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.	✓	✓	✓	✓
4.3	Hình thành ý tưởng, thiết lập mục tiêu và đảm bảo có phương pháp làm việc phù hợp để đạt được mục tiêu.	✓	✓	✓	✓
4.4	Thiết kế chương trình làm việc hiệu quả, phù hợp với mục tiêu.	✓	✓	✓	✓
4.5	Triển khai, kiểm tra, kiểm chứng các hoạt động tại cơ sở làm việc, đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành.	✓	✓	✓	✓
4.6	Xác định các kiến thức, kỹ năng và thái độ để sáng tạo, khởi nghiệp trong lĩnh vực giáo dục, khoa học, kỹ thuật và công nghệ.	✓	✓	✓	✓

V. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh có thể đảm nhận công việc sau:

- Biên, phiên dịch viên tự do hoặc làm cho các công ty, doanh nghiệp trong và ngoài nước với thể mạnh sử dụng tiếng Anh trong các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật và công nghệ;
- Chuyên viên làm việc trong các lĩnh vực công nghiệp, tài chính, ngoại giao...;
- Làm nhân viên lễ tân tại các nhà hàng và khách sạn quốc tế, hướng dẫn viên du lịch quốc tế (khi có chứng chỉ nghề);
- Làm việc tại các bộ phận đối ngoại của các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, các công ty sản xuất, kinh doanh, thương mại, dịch vụ có liên kết với nước ngoài, các hãng hàng không, du lịch;
- Làm thư ký hoặc trợ lý giám đốc cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước;
- Giáo viên/Giảng viên dạy tiếng Anh, đặc biệt là tiếng Anh liên quan đến lĩnh vực khoa học, kỹ thuật và công nghệ, tại các trường chuyên nghiệp, các cơ sở đào tạo nghề, các trường phổ thông, các trung tâm Ngoại ngữ.

VI. HỌC TẬP VÀ NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sau khi tốt nghiệp người học có các kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết cho khả năng học tập và nâng cao trình độ; Có thể tiếp tục tham gia các khoá học ở trình độ sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) hoặc các khoá học tương đương.

VII. MÔ TẢ CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Khung chương trình đào tạo

1.1. Tóm tắt

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		
		Đại học (Gần/Xa)	Cao đẳng (Gần/Xa)	THPT
I	Giáo dục đại cương	12/18	20/26	40
1	Bắt buộc	12/18	26	34
2	Tự chọn			6
II	Giáo dục chuyên nghiệp	64/64	68/78	88
II.1	Cơ sở ngành	25/25	29/39	49
1	Bắt buộc	23/23	27/37	47
2	Tự chọn	2/2	2/2	2
II.2	Chuyên ngành	31/31	31/31	31
1	Bắt buộc	23/23	23/23	23
2	Tự chọn	8/8	8/8	8
II.3	Thực tập và Khóa luận TN	8/8	8/8	8
III	Bổ trợ (không tích lũy)	6/6	6/6	6
1	Nhập môn Internet và Elearning	3/3	3/3	3
2	Phát triển kỹ năng cá nhân	3/3	3/3	3
Tổng số tín chỉ (I+II+III)		76/82	88/104	128

1.2. Nội dung chương trình đào tạo

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Đối tượng				Mã HP học trước	Đơn vị giảng dạy	
				Đại học		Cao đẳng				TH PT
				Gần	Xa	Gần	Xa			
A.	Khối kiến thức giáo dục đại cương		40	12	18	20	26	40		
I	Học phần bắt buộc		34	12	18	20	26	34		
1	TXBAS123	Triết học Mác - Lênin	3	-	-	-	-	+		
2	TXBAS215	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	2	-	-	-	-	+	TXBAS123	
3	TXBAS305	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	-	-	+	+	+	TXBAS215	
4	TXBAS217	Lịch sử ĐCS Việt Nam	2	-	-	+	+	+	TXBAS305	
5	TXBAS110	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	-	-	+	+	+	TXBAS217	
6	TXFIM207	Pháp luật đại cương	2	-	-	+	+	+		
7	TXTEE107	Tin học đại cương	3	-	-	-	-	+	K. Điện tử	
8	TXPED110	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	-	+	-	+	+		
9	TXPED109	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	-	+	-	+	+	K. CN CD&ĐT	
10	TXPED102	Tiếng Việt thực hành	2	-	+	-	+	+		
11	TXENG210	Nhập môn KH Công nghệ	2	+	+	+	+	+		
12	TXENG209	Tiếng Trung Quốc 1	3	+	+	+	+	+		
13	TXENG215	Tiếng Trung Quốc 2	3	+	+	+	+	+	TXENG209	
14	TXENG308	Tiếng Trung Quốc 3	2	+	+	+	+	+	TXENG215	
15	TXENG318	Tiếng Trung Quốc 4	2	+	+	+	+	+	TXENG308	
II	HP tự chọn 1 (Chọn 3 trong 4 HP)		6	-	-	-	-	+		
16.1	TXPED101	Logic học	2						K. CN CD&ĐT	
16.2	TXPED322	Tâm lý học đại cương	2							
16.3	TXENG107	Nhập môn Khoa học tự nhiên	2						K. Quốc tế	
16.4	TXENG317	Giao tiếp kỹ thuật	2							
B	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		88	64	64	68	78	88		
I.	Kiến thức cơ sở ngành		49	25	25	29	39	49		
I.1.	Học phần bắt buộc		47	23	23	27	37	47		
17	TXENG102	Kỹ năng nghe tiếng Anh 1	2	-	-	-	-	+		
18	TXENG108	Kỹ năng nghe tiếng Anh 2	2	-	-	-	+	+	TXENG102	
19	TXENG206	Kỹ năng nghe tiếng Anh 3	2	+	+	+	+	+	TXENG108	
20	TXENG212	Kỹ năng nghe tiếng Anh 4	2	+	+	+	+	+	TXENG206	

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Đối tượng					Mã HP học trước	Đơn vị giảng dạy
				Đại học		Cao đẳng		TH PT		
				Gần	Xa	Gần	Xa			
21	TXENG101	Kỹ năng nói tiếng Anh 1	2	-	-	-	-	+		
22	TXENG107	Kỹ năng nói tiếng Anh 2	2	-	-	-	+	+	TXENG101	
23	TXENG205	Kỹ năng nói tiếng Anh 3	2	+	+	+	+	+	TXENG107	
24	TXENG211	Kỹ năng nói tiếng Anh 4	2	+	+	+	+	+	TXENG205	
25	TXENG104	Kỹ năng đọc tiếng Anh 1	2	-	-	-	-	+		
26	TXENG109	Kỹ năng đọc tiếng Anh 2	2	-	-	-	+	+	TXENG104	
27	TXENG207	Kỹ năng đọc tiếng Anh 3	2	+	+	+	+	+	TXENG109	
28	TXENG213	Kỹ năng đọc tiếng Anh 4	2	+	+	+	+	+	TXENG207	
29	TXENG106	Kỹ năng viết tiếng Anh 1	2	-	-	-	-	+		
30	TXENG110	Kỹ năng viết tiếng Anh 2	2	-	-	-	+	+	TXENG106	K. Quốc tế
31	TXENG208	Kỹ năng viết tiếng Anh 3	2	+	+	+	+	+	TXENG110	
32	TXENG214	Kỹ năng viết tiếng Anh 4	2	+	+	+	+	+	TXENG208	
33	TXENG0107	Luyện phát âm tiếng Anh	2	-	-	+	+	+		
34	TXENG0106	Ngữ pháp tiếng Anh 1	2	-	-	-	+	+		
35	TXENG0108	Ngữ pháp tiếng Anh 2	2	-	-	+	+	+		
36	TXENG326	Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao	3	+	+	+	+	+		
37	TXENG216	Ngữ âm và âm vị học	2	+	+	+	+	+		
38	TXENG309	Từ vựng học	2	+	+	+	+	+		
39	TXPED205	Phương pháp NCKH	2	-	-	-	-	+		
I.2.	HP tự chọn 2 (Chọn 1 trong 2 HP)		2	+	+	+	+	+		
40.1	TXENG315	Văn hóa xã hội Anh - Mỹ	2							K. Quốc tế
40.2	TXENG316	Văn học Anh - Mỹ	2							
II	Khối kiến thức chuyên ngành		31	31	31	31	31	31		
II.1	Học phần bắt buộc		23	23	23	23	23	23		
41	TXENG406	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	4	+	+	+	+	+		
42	TXENG313	Tiếng Anh KT - Kinh doanh	2	+	+	+	+	+		
43	TXENG314	Tiếng Anh CN - TT - Tr thông	2	+	+	+	+	+		
44	TXENG404	Tiếng Anh KT C khí - ĐL	3	+	+	+	+	+		
45	TXENG405	Tiếng Anh KT XD - Môi trường	3	+	+	+	+	+		
46	TXENG307	Tiếng Anh KT Điện - Điện tử	3	+	+	+	+	+		
47	TXENG304	Lý thuyết dịch	2	+	+	+	+	+		
48	TXENG319	Biên dịch tiếng Anh KH - CN	2	+	+	+	+	+	TXENG304	
49	TXENG320	Phiên dịch tiếng Anh KH - CN	2	+	+	+	+	+	TXENG304	
II.2	HP tự chọn 3 (Chọn 4 trong 6 HP theo tổ hợp Biên dịch & Phiên dịch)		8	+	+	+	+	+		
50	TXENG321	Biên dịch tiếng Anh Kinh tế - Kinh doanh - CN thông tin	2						TXENG304 TXENG313 TXENG314	
51	TXENG322	Phiên dịch tiếng Anh Kinh tế - Kinh doanh - CN thông tin	2							
52	TXENG411	Biên dịch tiếng Anh Điện - Điện tử	2						TXENG304 TXENG307	K. Quốc tế
53	TXENG412	Phiên dịch tiếng Anh Điện - Điện tử	2							
54	TXENG413	Biên dịch tiếng Anh Cơ khí - Động lực - XD - Môi trường	2						TXENG304 TXENG404 TXENG405	
55	TXENG414	Phiên dịch tiếng Anh Cơ khí - Động lực - XD - Môi trường	2							
III	Thực tập và Khóa luận Tốt nghiệp		8	8	8	8	8	8		
56	TXENG409	Thực tập tốt nghiệp	3	+	+			+	+	
57	TXENG410	Khóa luận/Thi tốt nghiệp (Chọn 2 HP tổng 5TC trong khối kiến thức chuyên ngành)	5	+	+			+	+	Thi TN
C	Khối kiến thức bổ sung		6	6	6	6	6	6		
58	TXBT001	Nhập môn Internet và Elearning	3	+	+	+	+	+		K. Điện tử
59	TXBT002	Phát triển kỹ năng cá nhân	3	+	+	+	+	+		K. CN CĐ&ĐT
TỔNG CỘNG			128	76	82	88	104	128		

Ghi chú: Người học đã có Văn bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận ngoại ngữ phụ đảm bảo quy định được miễn các học phần Tiếng Trung Quốc 1 đến 4 (10 tín chỉ); (+) ứng với học phần có trong CTĐT, (-) học phần ngoài CTĐT.

2. Kế hoạch giảng dạy**HỌC KỲ 1**

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	TXBAS123	Triết học Mác - Lênin	3
2	TXBT001	Nhập môn Internet và Elearning	3
3	TXFIM207	Pháp luật đại cương	2
4	TXPED102	Tiếng Việt thực hành	2
5	TXBT002	Phát triển kỹ năng cá nhân	3
Tổng			13

HỌC KỲ 2

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	TXENG102	Kỹ năng nghe tiếng Anh 1	2
2	TXENG101	Kỹ năng nói tiếng Anh 1	2
3	TXENG104	Kỹ năng đọc tiếng Anh 1	2
4	TXENG0107	Luyện phát âm tiếng Anh	2
5	TXBAS215	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2
6	TXPED109	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
Tổng			12

HỌC KỲ 3

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	TXENG0106	Ngữ pháp tiếng Anh 1	2
2	TXENG0108	Ngữ pháp tiếng Anh 2	2
3	TXENG108	Kỹ năng nghe tiếng Anh 2	2
4	TXENG107	Kỹ năng nói tiếng Anh 2	2
5	TXENG109	Kỹ năng đọc tiếng Anh 2	2
6	TXENG106	Kỹ năng viết tiếng Anh 1	2
7	TXENG110	Kỹ năng viết tiếng Anh 2	2
Tổng			14

HỌC KỲ 4

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	TXENG206	Kỹ năng nghe tiếng Anh 3	2
2	TXENG205	Kỹ năng nói tiếng Anh 3	2
3	TXENG207	Kỹ năng đọc tiếng Anh 3	2
4	TXENG208	Kỹ năng viết tiếng Anh 3	2
5	TXTEE107	Tin học đại cương	3
6	TXBAS305	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
Tổng			13

HỌC KỲ 5

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	TXENG206	Kỹ năng nghe tiếng Anh 4	2
2	TXENG205	Kỹ năng nói tiếng Anh 4	2
3	TXENG207	Kỹ năng đọc tiếng Anh 4	2
4	TXENG208	Kỹ năng viết tiếng Anh 4	2
5	TXBAS217	Lịch sử Đảng CS VN	2
6	TXENG209	Tiếng Trung Quốc 1	3
Tổng			13

HỌC KỲ 6

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	TXENG210	Nhập môn Khoa học - Công nghệ	2
2	TXENG215	Tiếng Trung Quốc 2	3
3	TXPED110	Dẫn luận ngôn ngữ học	2
4	TXPED205	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
5	TXENG313	Tiếng Anh Kinh tế - Kinh doanh	2
6	Học phần tự chọn 1 (Chọn 1 trong 4 học phần)		2
Tổng			13

HỌC KỲ 7

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	TXENG314	Tiếng Anh Công nghệ Thông tin - Truyền thông	2
2	TXENG309	Từ vựng học	2
3	TXENG308	Tiếng Trung Quốc 3	2
4	TXBAS110	Tư tưởng HCM	2
5	Học phần tự chọn 1 (Chọn 2 trong 4 HP trừ HP đã chọn ở HK 6)		4
Tổng			12

HỌC KỲ 8

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	TXENG307	Tiếng Anh Kỹ thuật Điện - Điện tử	3
2	TXENG404	Tiếng Anh Kỹ thuật Cơ khí - Động lực	3
3	TXENG304	Lý thuyết dịch	2
4	TXENG216	Ngữ âm và âm vị học	2
5	TXENG308	Tiếng Trung Quốc 4	2
Tổng			12

HỌC KỲ 9

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	TXENG405	Tiếng Anh Kỹ thuật Xây dựng - Môi trường	3
2	TXENG319	Biên dịch tiếng Anh Khoa học - Công nghệ	2
3	TXENG320	Phiên dịch tiếng Anh Khoa học - Công nghệ	2
4	TXENG326	Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao	3
5	Học phần tự chọn 2 (Chọn 1 trong 2 học phần)		2
Tổng			12

HỌC KỲ 10

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Học phần tự chọn 3 (Chọn 4 trong 6 HP theo tổ hợp Biên-Phiên dịch)		8
2	TXENG406	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	4
Tổng			12

HỌC KỲ 11

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	TXENG409	Thực tập tốt nghiệp	3
2	TXENG410	Khóa luận tốt nghiệp	5
Tổng			8

VIII. GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY PHỤ TRÁCH CÁC HỌC PHẦN

STT	Mã HP	Tên học phần	Giảng viên	Đơn vị
1	TXBAS123	Triết học Mác - Lênin	TS Nguyễn Thị Thu Thủy	K. KHCB&UD
2	TXBAS215	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	TS Ngô Minh Thương	
3	TXBAS305	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ThS Hoàng Thị Hải Yến ThS Nguyễn Nam Hưng ThS Trương Vũ Long	
4	TXBAS217	Lịch sử ĐCS Việt Nam	TS Nguyễn Thị Vân TS Nguyễn Thị Vân Anh ThS Trương Thị Thủy Liên ThS Nguyễn Thị Nga	
5	TXBAS110	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TS Lương Thị Thuý Nga ThS Nguyễn Thị Thu Hằng ThS Phạm Thị Cẩm Ly TS Ngô Thị Phương Thảo	
6	TXFIM207	Pháp luật đại cương	ThS Dương Thị Thủy Linh ThS Tống Thị Phương Thảo	
7	TXTEE107	Tin học đại cương	ThS Trần Thị Thanh	K. Điện tử
8	TXPED110	Dẫn luận ngôn ngữ học	ThS Nguyễn Hoàng Hà ThS Trần Thị Vân Anh	K. CNCĐ&ĐT
9	TXPED109	Cơ sở văn hóa Việt Nam		
10	TXPED102	Tiếng Việt thực hành		
11	TXENG210	Nhập môn KH Công nghệ	ThS Nguyễn Thị Bích Ngọc TS Nguyễn Đình Ngọc	K. Quốc tế
12	TXENG209	Tiếng Trung Quốc 1	ThS Nguyễn Thị Hạnh Phúc	
13	TXENG215	Tiếng Trung Quốc 2		
14	TXENG308	Tiếng Trung Quốc 3		
15	TXENG318	Tiếng Trung Quốc 4		
16.1	TXPED101	Logic học	TS Trương Thị Thu Hương TS Lê Thị Quỳnh Trang ThS Phạm Thanh Cường	K. CNCĐ&ĐT
16.2	TXPED322	Tâm lý học đại cương	TS Lê Thị Quỳnh Trang ThS Trần Thị Vân Anh	
16.3	TXENG107	Nhập môn Khoa học tự nhiên	ThS Nguyễn Thị Bích Ngọc ThS Trần Thị Huệ	K. Quốc tế
16.4	TXENG317	Giao tiếp kỹ thuật	TS Nguyễn Đình Ngọc ThS Nguyễn Thị Bích Ngọc	
17	TXENG102	Kỹ năng nghe tiếng Anh 1	ThS Dương Thị Thảo ThS Nguyễn Hương Lý	
18	TXENG108	Kỹ năng nghe tiếng Anh 2		
19	TXENG206	Kỹ năng nghe tiếng Anh 3	ThS Đinh Thị Hồng Thương	
20	TXENG212	Kỹ năng nghe tiếng Anh 4		
21	TXENG101	Kỹ năng nói tiếng Anh 1	ThS Nguyễn Thị Phương Thảo	
22	TXENG107	Kỹ năng nói tiếng Anh 2		
23	TXENG205	Kỹ năng nói tiếng Anh 3	TS Nguyễn Thị Ánh Hồng	
24	TXENG211	Kỹ năng nói tiếng Anh 4		
25	TXENG104	Kỹ năng đọc tiếng Anh 1	ThS Nguyễn Hương Lý	
26	TXENG109	Kỹ năng đọc tiếng Anh 2		
27	TXENG207	Kỹ năng đọc tiếng Anh 3	ThS Hoàng Thị Thu	
28	TXENG213	Kỹ năng đọc tiếng Anh 4	ThS Ngô Thị Thanh Huệ	
29	TXENG106	Kỹ năng viết tiếng Anh 1	ThS Nguyễn Hương Lý	
30	TXENG110	Kỹ năng viết tiếng Anh 2	ThS Phạm Ái Linh	

STT	Mã HP	Tên học phần	Giảng viên	Đơn vị	
31	TXENG208	Kỹ năng viết tiếng Anh 3	ThS Nguyễn Thị Kim Thương	K. Quốc tế	
32	TXENG214	Kỹ năng viết tiếng Anh 4			
33	TXENG0107	Luyện phát âm tiếng Anh	ThS Nguyễn Thị Phương Thảo TS Phùng Thị Thu Hà		
34	TXENG0106	Ngữ pháp tiếng Anh 1	ThS Nguyễn Thu Hương ThS Dương Thị Thảo		
35	TXENG0108	Ngữ pháp tiếng Anh 2	ThS Vi Thị Phương Thảo ThS Nguyễn Thu Hương		
36	TXENG326	Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao	TS Phùng Thị Thu Hà ThS Nguyễn Thị Thu Linh		
37	TXENG216	Ngữ âm và âm vị học	TS Hoàng Hương Ly		
38	TXENG309	Từ vựng học	ThS Ngô Thị Thanh Huệ TS Nguyễn Thị Ánh Hồng		
39	TXPED205	Phương pháp NCKH	ThS Nguyễn Thị Kim Thương		
40.1	TXENG315	Văn hóa xã hội Anh - Mỹ	TS Hoàng Hương Ly		
40.2	TXENG316	Văn học Anh - Mỹ	ThS Nguyễn Thị Thu Linh		
41	TXENG406	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	TS Hoàng Hương Ly		
42	TXENG313	Tiếng Anh KT - Kinh doanh	ThS Ngô Thị Thanh Huệ		
43	TXENG314	Tiếng Anh CN - TT - Tr thông			
44	TXENG404	Tiếng Anh KT C khí - ĐL	ThS Nguyễn Thị Phương Thảo		
45	TXENG405	Tiếng Anh KT XD - M trường	ThS Ngô Thị Thanh Huệ		
46	TXENG307	Tiếng Anh KT Điện - Điện tử	TS Phùng Thị Thu Hà		
47	TXENG304	Lý thuyết dịch	ThS Đinh Thị Hồng Thương		
48	TXENG319	Biên dịch tiếng Anh KH - CN	TS Hoàng Hương Ly		
49	TXENG320	Phiên dịch tiếng Anh KH - CN	ThS Trần Mạnh Hoàng		
50	TXENG321	Biên dịch tiếng Anh Kinh tế - Kinh doanh - CN thông tin	ThS Hoàng Thị Thu ThS Ngô Thị Thanh Huệ		
51	TXENG322	Phiên dịch tiếng Anh Kinh tế - Kinh doanh - CN thông tin			
52	TXENG411	Biên dịch tiếng Anh Điện - Điện tử	ThS Hoàng Thị Thu		
53	TXENG412	Phiên dịch tiếng Anh Điện - Điện tử	ThS Trần Mạnh Hoàng		
54	TXENG413	Biên dịch tiếng Anh Cơ khí - Động lực - XD - Môi trường	ThS Nguyễn Thị Phương Thảo ThS Vi Thị Phương Thảo ThS Trần Mạnh Hoàng		
55	TXENG414	Phiên dịch tiếng Anh Cơ khí - Động lực - XD - Môi trường			
56	TXENG409	Thực tập tốt nghiệp	TS Phùng Thị Thu Hà TS Hoàng Hương Ly		
57	TXENG410	Khóa luận tốt nghiệp	Bộ môn Ngoại ngữ K. Quốc tế		
58	TXBT001	Nhập môn Internet và Elearning	ThS Phùng Thị Thu Hiền		K. Điện tử
59	TXBT002	Phát triển kỹ năng cá nhân	TS Trương Thị Thu Hương TS Lê Thị Quỳnh Trang		K. CNCĐ&ĐT

IX. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN

1. Triết học Mác – Lênin

Học phần Triết học Mác - Lênin là học phần đầu tiên, bắt buộc trong hệ thống các môn học lý luận chính trị trong chương trình đào tạo. Nội dung của môn học bao gồm 03 chương, nghiên cứu những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy; xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng, vận dụng vào hoạt động nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng.

2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin

Nội dung học phần Kinh tế chính trị Mác – Lênin gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Từ chương 2 đến chương 6, trình bày nội dung cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác - Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường. Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa hiện, đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Nội dung học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học, bao gồm các vấn đề như: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

4. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam trang bị cho người học sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc thuộc khối giáo dục đại cương được xây dựng trong chương trình đào tạo người học bậc đại học không chuyên lý luận chính trị. Học phần nhằm trang bị cho người học hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Là học phần bắt buộc được giảng dạy trong chương trình đào tạo cho người học đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

6. Pháp luật đại cương

Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc thuộc phần kiến thức đại cương, bao gồm các nội dung: khái quát chung về nhà nước; khái quát chung về pháp luật; hệ thống pháp luật Việt Nam; luật Hiến pháp Việt Nam; luật hành chính Việt Nam; luật dân sự Việt Nam; luật hình sự Việt Nam; luật hôn nhân và gia đình Việt Nam; luật phòng, chống tham nhũng. Học phần này sẽ giúp người học nắm được những kiến thức cơ bản về pháp luật, áp dụng vào thực tiễn, nâng cao ý thức pháp luật, đánh giá và định hướng hành vi xử sự của bản thân và những người xung quanh theo chuẩn mực pháp lý, tôn trọng và thực hiện pháp luật.

7. Tin học ứng dụng

Học phần Tin học ứng dụng cung cấp cho người học một số kiến thức, kỹ năng cơ bản và thiết thực về Công nghệ thông tin: Mạng máy tính và Internet, phòng và chống virus, tổ chức và quản lý các tài nguyên của máy tính, sử dụng hệ điều hành và xử lý các lỗi thông thường, trình duyệt web, thư điện tử. Trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản để khai thác, sử dụng phần mềm soạn thảo văn bản, sử dụng phần mềm bảng tính điện tử, phần mềm trình chiếu.

8. Dẫn luận ngôn ngữ học

Học phần Dẫn luận ngôn ngữ là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương đối với người học ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần trang bị các kiến thức về: nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, bản chất, chức năng của ngôn ngữ, cơ sở ngôn ngữ học và các ngôn ngữ trên thế giới.

9. Cơ sở văn hóa Việt Nam

Cơ sở Văn hóa Việt Nam là học phần thuộc khối kiến thức cơ bản trong chương trình đào tạo Cử nhân ngôn ngữ Anh. Học phần bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Các khái niệm cơ bản về văn hóa, tiến trình lịch sử văn hóa Việt Nam, văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống tập thể, văn hóa tổ chức đời sống cá nhân, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên; ứng phó với môi trường xã hội; văn hóa dân tộc trong hội nhập quốc tế.

10. Tiếng Việt thực hành

Học phần Tiếng Việt thực hành là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương đối với người học ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần trang bị các kiến thức: khái quát về tiếng Việt; dùng từ trong văn bản; thực hành viết câu trong văn bản; thực hành tạo lập đoạn và văn bản.

11. Nhập môn Khoa học - Công nghệ

Học phần Nhập môn khoa học công nghệ, thuộc khối kiến thức đại cương, cung cấp những khái niệm, kiến thức cơ bản, các phương pháp nghiên cứu trong các ngành khoa học và công nghệ, cơ sở kỹ thuật cơ khí, quy trình thiết kế, chế tạo và lắp ráp cơ khí, các khái niệm và các định luật cơ bản sử dụng cho các mạch điện và các loại máy điện, các kiến thức cơ bản về sản xuất, truyền tải và phân phối điện năng, các loại linh kiện và mạch điện tử cơ bản, lý thuyết chung về các hệ thống điều khiển tự động.

12. Tiếng Trung Quốc 1

Học phần Tiếng Trung Quốc 1, thuộc Khối kiến thức giáo dục đại cương, trang bị cho người học các kiến thức cơ bản như ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, chữ Hán; hình thành kỹ năng

giao tiếp thông thường với người Trung Quốc, ngôn ngữ, chữ viết, văn hóa và con người đất nước Trung Quốc. Ngoài ra, học phần còn giúp người học rèn luyện kỹ năng tự học, tính kiên trì và kỹ năng giao tiếp Tiếng Trung Quốc ở cấp độ đầu của trình độ A2.

13. Tiếng Trung Quốc 2

Học phần Tiếng Trung Quốc 2, thuộc khối kiến thức đại cương, là học phần kế tiếp của Tiếng Trung Quốc 1, tiếp tục cung cấp cho người học những hiện tượng ngữ pháp căn bản trong tiếng Trung Quốc, giúp người học rèn luyện kỹ năng giao tiếp và hội thoại, đọc được những bài văn thông thường. Ngoài ra, học phần còn giúp người học rèn luyện kỹ năng tự học, tính kiên trì và kỹ năng giao tiếp Tiếng Trung Quốc ở trình độ A2.

14. Tiếng Trung Quốc 3

Học phần Tiếng Trung Quốc 3, thuộc khối kiến thức đại cương, cung cấp cho người học những kiến thức về kết cấu ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng, bồi dưỡng các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, nâng cao năng lực sử dụng tiếng Trung trong giao tiếp của người học thông qua những bài hội thoại về chủ đề chỉ dẫn đường; biểu đạt khả năng, nguyện vọng; học tập, sở thích; tham gia các cuộc thi. Ngoài ra, học phần còn giúp người học rèn luyện kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Trung tương ứng với cấp độ đầu của trình độ B1.

15. Tiếng Trung Quốc 4

Học phần Tiếng Trung Quốc 4, thuộc khối kiến thức đại cương, cung cấp cho người học những kiến thức về kết cấu ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng, bồi dưỡng các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, nâng cao năng lực sử dụng tiếng Trung trong giao tiếp của người học thông qua những bài hội thoại về chủ đề học tập, giáo dục, bệnh tật, nơi ở, thói quen trong sinh hoạt... Ngoài ra, học phần còn giúp người học rèn luyện kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Trung tương ứng với trình độ B1.

16. Logic học

Học phần Logic học là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương đối với người học kỹ thuật. Học phần trang bị cho người học kiến thức về tư duy và các quy luật của tư duy; các hình thức tư duy (khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh và bác bỏ) để rèn luyện, hình thành và phát triển năng lực tư duy logic, khả năng nhận biết và tránh các sai lầm logic, phục vụ trong quá trình học tập và nghiên cứu khoa học trong trường đại học cũng như trong quá trình sống và hoạt động nghề nghiệp sau khi ra trường.

17. Tâm lý học đại cương

Tâm lý học đại cương là một học phần thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo ngành Cử nhân ngôn ngữ Anh. Học phần Tâm lý học đại cương bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Những vấn đề chung về tâm lý học, hoạt động nhận thức và sự học, nhân cách – sự hình thành và phát triển nhân cách, sự sai lệch hành vi cá nhân và hành vi xã hội.

18. Nhập môn Khoa học tự nhiên

Học phần Nhập môn Khoa học tự nhiên giới thiệu về đối tượng nghiên cứu, mục đích và ý nghĩa của môn học. Nội dung chính của học phần gồm: quy luật chuyển động của chất điểm trong môi trường cơ học vật rắn, các định luật cơ bản của nhiệt động lực học, cấu tạo điện của vật chất: Điện tích, dòng điện, từ trường, quang hình và Quang sóng. Ngoài ra, học phần còn giúp người học có cơ hội được thực hành học và vận dụng các thuật ngữ về khoa học tự nhiên trong giao tiếp.

19. Giao tiếp kỹ thuật

Học phần Giao tiếp kỹ thuật, thuộc khối kiến thức đại cương, cung cấp kiến thức và rèn luyện kỹ năng giao tiếp dùng trong học tập và làm việc trong môi trường kỹ thuật. Các nội dung chính bao gồm: kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng nghe và ghi chép, kỹ năng đọc tài liệu kỹ thuật, kỹ năng thuyết trình; Kỹ năng phỏng vấn, xin việc; Kỹ năng tham gia các hoạt động tập thể, kỹ thuật viết văn bản, cách viết một số dạng tài liệu thông dụng: thư trao đổi công việc, email, CV, bản ghi nhớ; Cách viết báo cáo khoa học, đề xuất, đề cương, đề án, tài liệu hướng dẫn kỹ thuật.

20. Kỹ năng nghe tiếng Anh 1

Học phần Kỹ năng nghe tiếng Anh 1, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, nhằm trang bị và rèn luyện cho người học các kỹ năng nghe như nghe hiểu từ khóa, nghe nội dung chính, nghe thông tin chi tiết giúp người học đạt được năng lực nghe ở cấp độ đầu của trình độ A2. Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho người học kiến thức về từ vựng, ngữ âm và ngữ pháp cơ bản nhằm hỗ trợ người học nghe hiệu quả hơn.

21. Kỹ năng nghe tiếng Anh 2

Học phần Kỹ năng nghe tiếng Anh 2, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, nhằm trang bị và rèn luyện cho người học các kỹ năng nghe như nghe hiểu từ khóa, nghe nội dung chính, nghe thông tin chi tiết giúp người học đạt được năng lực nghe ở trình độ A2. Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho người học kiến thức về từ vựng, ngữ âm và ngữ pháp cơ bản nhằm hỗ trợ người học nghe hiệu quả hơn.

22. Kỹ năng nghe tiếng Anh 3

Học phần Kỹ năng nghe tiếng Anh 3, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp và rèn luyện cho người học các kỹ thuật nghe như nghe ý chính, nghe hiểu nguyên nhân, kết quả, nghe dự đoán, nghe lý do và giải thích, nghe thông tin chi tiết. Ngoài ra, học phần còn cung cấp kiến thức về từ vựng, phát âm, kiến thức cơ bản về đất nước, văn hóa, con người, xã hội của các nước nói tiếng Anh nhằm hỗ trợ người học nghe hiệu quả hơn.

23. Kỹ năng nghe tiếng Anh 4

Học phần Kỹ năng nghe tiếng Anh 4, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp và rèn luyện cho người học các kỹ thuật nghe như nghe và viết lại ý chính nhằm tóm tắt nội dung bài giảng, xác định nguyên nhân-kết quả, phân biệt lợi ích và bất lợi của các sự việc, vấn đề, và nghe và suy luận... Ngoài ra, học phần còn cung cấp kiến thức về từ vựng nhằm hỗ trợ người học nghe hiệu quả hơn.

24. Kỹ năng nói tiếng Anh 1

Học phần Kỹ năng nói tiếng Anh 1, thuộc khối kiến thức Cơ sở ngành, cung cấp cho người học kiến thức về ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm ...) và các chiến thuật nói cơ bản nhằm giúp người học bước đầu hình thành khả năng giao tiếp bằng khẩu ngữ ở cấp độ đầu của trình độ A2. Ngoài ra, học phần giúp người học hình thành các kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, thuyết trình và sử dụng công nghệ thông tin trong học tập.

25. Kỹ năng nói tiếng Anh 2

Học phần Kỹ năng nói tiếng Anh 2, thuộc khối kiến thức Cơ sở ngành, cung cấp cho người học kiến thức về ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm ...) và các chiến thuật nói cơ

bản nhằm giúp người học bước đầu hình thành khả năng giao tiếp bằng khẩu ngữ ở trình độ A2. Ngoài ra, học phần giúp người học hình thành các kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, thuyết trình và sử dụng công nghệ thông tin trong học tập.

26. Kỹ năng nói tiếng Anh 3

Học phần Kỹ năng nói tiếng Anh 3, thuộc khối kiến thức Cơ sở ngành, cung cấp cho người học kiến thức về ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm ...) và các chiến thuật nói cơ bản nhằm giúp người học bước đầu hình thành khả năng giao tiếp bằng khẩu ngữ ở trình độ B1. Ngoài ra, học phần giúp người học hình thành các kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, thuyết trình và sử dụng công nghệ thông tin trong học tập.

27. Kỹ năng nói tiếng Anh 4

Học phần Kỹ năng nói tiếng Anh 4, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp cho người học kiến thức về ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp, phát âm) liên quan đến các chủ đề thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau và các chiến thuật nói giúp người học đạt được năng lực giao tiếp ở trình độ B2. Ngoài ra, học phần còn giúp người học rèn luyện các kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, hội thoại, thảo luận nhóm, lãnh đạo và quản lý nhóm, phỏng vấn và khảo sát.

28. Kỹ năng đọc tiếng Anh 1

Học phần Kỹ năng đọc tiếng Anh 1 thuộc khối kiến thức cơ sở ngành bao gồm những nội dung kiến thức về các kỹ năng đọc, các bài tập được thiết kế nhằm đạt được những kỹ năng đọc cơ bản như đọc tìm thông tin chi tiết, đọc tìm ý chính, suy luận, đọc tìm mục đích viết bài của tác giả ... và từ vựng về các chủ đề xã hội như du lịch và khám phá, giải trí, thời trang, giáo dục, ... Ngoài ra, người học được làm việc trong các nhóm và thuyết trình các vấn đề hiệu quả.

29. Kỹ năng đọc tiếng Anh 2

Học phần Kỹ năng đọc tiếng Anh 2 thuộc khối kiến thức cơ sở ngành bao gồm những nội dung kiến thức về các kỹ năng đọc, các bài tập được thiết kế nhằm đạt được những kỹ năng đọc ở cấp độ đầu ở trình độ B1 như đọc tìm thông tin chi tiết, đọc tìm ý chính, suy luận, sử dụng tiêu đề phụ để dự đoán nội dung bài văn, nhận biết từ nối... và từ vựng về các chủ đề xã hội như thực phẩm, các phát minh, du học, quản lý tài chính cá nhân,... Ngoài ra, người học được làm việc trong các nhóm và thuyết trình các vấn đề hiệu quả.

30. Kỹ năng đọc tiếng Anh 3

Học phần Kỹ năng đọc tiếng Anh 3 thuộc khối kiến thức cơ sở ngành bao gồm những nội dung kiến thức về các kỹ năng đọc, các bài tập được thiết kế nhằm đạt được những kỹ năng đọc ở trình độ B1 như đọc tìm thông tin chi tiết, đọc tìm ý chính, suy luận, sử dụng tiêu đề để tìm nội dung chính, nhận biết trình tự các sự kiện, đoán nghĩa từ ... và từ vựng về các chủ đề xã hội như du lịch nước ngoài, điện ảnh, thể thao, Ngoài ra, người học được làm việc trong các nhóm và thuyết trình các vấn đề hiệu quả.

31. Kỹ năng đọc tiếng Anh 4

Học phần Kỹ năng đọc tiếng Anh 4, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp những nội dung kiến thức về các kỹ năng đọc như đọc tìm thông tin chi tiết, đọc tìm ý chính, đoán ý, nhận diện các ý chính và các ý hỗ trợ, suy luận, nhận biết trình tự các sự kiện, đoán nghĩa từ ... và từ vựng về các chủ đề xã hội. Ngoài ra, người học được làm việc trong các nhóm và thuyết trình các vấn đề hiệu quả.

32. Kỹ năng viết tiếng Anh 1

Học phần Kỹ năng viết tiếng Anh 1, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp cho người học kiến thức về các loại mệnh đề, câu, cấu trúc của đoạn văn tiếng Anh, kỹ năng viết mệnh đề và câu ở trình độ A2. Ngoài ra, người học được làm việc trong các nhóm và rèn luyện kỹ năng thuyết trình, giao tiếp.

33. Kỹ năng viết tiếng Anh 2

Học phần Kỹ năng viết tiếng Anh 2, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp cho người học kiến thức về các khái niệm cơ bản về đoạn văn và bài luận, các vấn đề về đoạn văn, cấu trúc bài luận tiếng Anh. Ngoài ra, người học được làm việc trong các nhóm và rèn luyện kỹ năng thuyết trình, giao tiếp.

34. Kỹ năng viết tiếng Anh 3

Học phần Kỹ năng viết Tiếng Anh 3, thuộc khối kiến thức Cơ sở ngành, củng cố cho người học các kiến thức cơ bản về đoạn văn, các loại đoạn văn, và cung cấp các khái niệm và định nghĩa cơ bản về dạng bài luận khác nhau như: bài luận thể hiện quan điểm, nguyên nhân và hệ quả, so sánh, giải quyết vấn đề..., và các kỹ năng viết một bài luận ngắn một cách rõ ràng, nhất quán. Ngoài ra, người học còn được rèn luyện kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả.

35. Kỹ năng viết tiếng Anh 4

Học phần Kỹ năng viết tiếng Anh 4, thuộc khối kiến thức Cơ sở ngành, cung cấp cho người học các khái niệm và định nghĩa cơ bản về dạng bài luận khác nhau như: bài luận thể hiện quan điểm, nguyên nhân và hệ quả, so sánh, giải quyết vấn đề, ... cách sắp xếp tổ chức nội dung bài luận một cách rõ ràng, nhất quán. Ngoài ra, người học được rèn luyện kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả.

36. Luyện phát âm tiếng Anh

Học phần Luyện phát âm tiếng Anh, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về phát âm trong tiếng Anh như các khái niệm về âm, âm tiết, từ, ngữ điệu, nối âm... giúp người học cải thiện năng lực phát âm, hỗ trợ cải thiện kỹ năng nghe và nói tiếng Anh. Ngoài ra, học phần còn rèn luyện các kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, và làm việc cặp nhóm.

37. Ngữ pháp tiếng Anh 1

Học phần Ngữ pháp tiếng Anh 1, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp cho người học kiến thức ngữ pháp ở trình độ A2, giúp người học xây dựng được các cấu trúc câu đúng, đủ để người học có thể tự tin sử dụng tiếng Anh giao tiếp trong cuộc sống hàng ngày, cũng như phục vụ mục đích học tập, làm việc. Ngoài ra, người học còn được thực hành làm việc độc lập, theo nhóm và rèn luyện kỹ năng thuyết trình, giao tiếp.

38. Ngữ pháp tiếng Anh 2

Học phần Ngữ pháp tiếng Anh 2, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp cho người học kiến thức ngữ pháp ở trình độ B1, giúp người học xây dựng được các cấu trúc câu đúng, đủ để người học có thể tự tin sử dụng tiếng Anh giao tiếp trong cuộc sống hàng ngày, cũng như phục vụ mục đích học tập, làm việc. Ngoài ra, người học còn được thực hành làm việc độc lập, theo nhóm và rèn luyện kỹ năng thuyết trình, giao tiếp.

39. Ngữ pháp Tiếng Anh nâng cao

Học phần Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp các kiến thức về cấu trúc cú pháp của cụm từ, các loại mệnh đề, câu đơn, câu phức, câu ghép và mệnh đề phụ. Ngoài ra, học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phân tích các thành tố của ngôn ngữ, kỹ năng làm việc theo nhóm hiệu quả, và tăng cường việc ham tìm hiểu và học tập suốt đời.

40. Ngữ âm và âm vị học

Học phần Ngữ âm và Âm vị học, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp cho người học kiến thức về ngữ âm học cấu âm, nguyên âm và phụ âm, cấu trúc âm tiết, các hiện tượng ngữ âm trong tiếng Anh, các nguyên tắc cơ bản của âm vị học và âm vị học siêu đoạn tính, các cấu trúc ngữ điệu và trọng âm. Ngoài ra, người học được làm việc trong các nhóm và rèn luyện kỹ năng thuyết trình, giao tiếp.

41. Từ vựng học

Học phần Từ vựng học, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp cho người học kiến thức về hệ thống từ vựng tiếng Anh nhằm giúp người học cải thiện năng lực sử dụng từ vựng tiếng Anh trong giao tiếp. Ngoài ra, học phần này rèn luyện cho người học kỹ năng tự tìm hiểu và học tập suốt đời. Bên cạnh đó, người học được làm việc trong các nhóm và thuyết trình.

42. Văn hóa xã hội Anh – Mỹ

Học phần Văn hóa xã hội Anh-Mỹ, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp cho người học những kiến thức về đất nước, con người Anh – Mỹ, bao gồm: địa lý, lịch sử, hệ thống chính trị, giáo dục, gia đình, phong tục, lễ hội và các dịp đặc biệt. Ngoài ra, học phần này cũng rèn luyện cho người học tư duy so sánh đối chiếu giữa các nền văn hoá. Bên cạnh đó, người học được làm việc trong các nhóm, thảo luận và thuyết trình bằng tiếng Anh.

43. Văn học Anh-Mỹ

Học phần Văn học Anh - Mỹ, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp cho người học kiến thức về ngữ pháp, từ vựng và văn học gồm 6 truyện ngắn và 1 truyện trích từ tác phẩm kinh điển của 7 nhà văn Anh và Mỹ. Ngoài ra, người học được rèn luyện tư duy suy xét các vấn đề trong các tác phẩm văn học, tham gia nhóm để thảo luận các chủ đề văn học và vận dụng được các bối cảnh lịch sử, văn hoá và các giá trị đương thời của nó vào hiện thực khách quan.

44. Phương pháp nghiên cứu khoa học

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học, thuộc khối kiến thức Cơ sở ngành, cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về các phương pháp nghiên cứu khoa học nói chung, các nguyên lý cơ bản trong phương pháp nghiên cứu và quy trình nghiên cứu. Từ đó, người học có thể xác định vấn đề, mục đích, đặt câu hỏi, lập kế hoạch nghiên cứu, tiến hành thu thập và xử lý dữ liệu, viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu.

45. Phương pháp giảng dạy tiếng Anh

Học phần Phương pháp giảng dạy tiếng Anh, thuộc khối kiến thức chuyên ngành, nhằm cung cấp cho người học kiến thức lý thuyết và cơ hội thực hành kỹ thuật giảng dạy các khía cạnh ngôn ngữ và các kỹ năng ngôn ngữ. Ngoài ra, học phần này cũng trang bị cho người học kỹ năng

đánh giá giáo án và một giờ giảng trên lớp. Bên cạnh đó người học được làm việc trong các nhóm, được rèn luyện tư duy phản biện để bảo vệ quan điểm cá nhân.

46. Tiếng Anh Kinh tế - Kinh doanh

Học phần Tiếng Anh Kinh tế - Kinh doanh, thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp kiến thức về ngôn ngữ và các khái niệm thuộc lĩnh vực kinh tế và kinh doanh nhằm giúp người học giao tiếp được bằng tiếng Anh trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh. Ngoài ra, học phần này rèn luyện cho người học tư duy suy xét vấn đề, viết email, báo cáo, tóm tắt và thuyết trình. Bên cạnh đó, người học được làm việc trong các nhóm và lên kế hoạch tiếp thị sản phẩm.

47. Tiếng Anh Công nghệ Thông tin - Truyền thông

Học phần Tiếng Anh Công nghệ Thông tin - Truyền thông, thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về ngôn ngữ và các thuật ngữ thuộc lĩnh vực Công nghệ thông tin và truyền thông. Học phần này giúp người học giao tiếp được bằng tiếng Anh trong lĩnh vực Công nghệ thông tin và truyền thông. Ngoài ra, học phần này rèn luyện cho người học tư duy suy xét, tóm tắt và thuyết trình vấn đề và người học được làm việc theo nhóm, nghiên cứu tài liệu phục vụ cho nghề nghiệp trong tương lai.

48. Tiếng Anh Kỹ thuật Cơ khí - Động lực

Học phần Tiếng Anh Kỹ thuật Cơ khí - Động lực, thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về ngôn ngữ và các thuật ngữ thuộc lĩnh vực Cơ khí - Động lực. Học phần này giúp người học giao tiếp được bằng tiếng Anh trong lĩnh vực Cơ khí - Động lực. Ngoài ra, học phần này rèn luyện cho người học tư duy suy xét, tóm tắt và thuyết trình vấn đề và người học được làm việc theo nhóm, nghiên cứu tài liệu phục vụ cho nghề nghiệp trong tương lai.

49. Tiếng Anh Kỹ thuật Xây dựng - Môi trường

Học phần Tiếng Anh Kỹ thuật Xây dựng - Môi trường, thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp kiến thức về ngôn ngữ và các khái niệm thuộc lĩnh vực kỹ thuật xây dựng và môi trường nhằm giúp người học giao tiếp được bằng tiếng Anh trong lĩnh vực kỹ thuật xây dựng và môi trường. Ngoài ra, người học được rèn luyện tư duy suy xét vấn đề, viết báo cáo, mô tả và thuyết trình. Bên cạnh đó, người học được làm việc trong các nhóm và rèn luyện kỹ năng làm việc trong môi trường có sử dụng tiếng Anh kỹ thuật.

50. Tiếng Anh Kỹ thuật Điện – Điện tử

Học phần Tiếng Anh Kỹ thuật Điện – Điện tử, thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về ngôn ngữ và các thuật ngữ thuộc lĩnh vực Điện – Điện tử. Học phần này giúp người học giao tiếp được bằng tiếng Anh trong lĩnh vực Điện – Điện tử. Ngoài ra, học phần này rèn luyện cho người học tư duy suy xét, tóm tắt và thuyết trình vấn đề và người học được làm việc theo nhóm, nghiên cứu tài liệu phục vụ cho nghề nghiệp trong tương lai.

51. Lý thuyết dịch

Học phần Lý thuyết dịch thuộc khối kiến thức chuyên ngành cung cấp cho người học những kiến thức lý thuyết liên quan tới biên dịch và phiên dịch tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại. Ngoài ra, học phần này còn rèn luyện cho người học tư duy suy xét vấn đề và thuyết trình một số nội dung dịch thuật. Bên cạnh đó, người học được làm việc trong các nhóm và lên kế hoạch thuyết trình các nội dung dịch thuật được giao.

52. Biên dịch tiếng Anh Khoa học - Công nghệ

Học phần Biên dịch tiếng Anh Khoa học – Công nghệ, thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp kiến thức ngôn ngữ về các chủ đề khác nhau liên quan tới Khoa học – Công nghệ dưới dạng các bài báo, các bản báo cáo, bài phỏng vấn bằng tiếng Anh và tiếng Việt để người học thực hành dịch và phát triển các kỹ năng liên quan tới việc dịch thuật văn bản chuyên ngành.

53. Phiên dịch tiếng Anh Khoa học - Công nghệ

Học phần Phiên dịch tiếng Anh Khoa học – Công nghệ, thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp kiến thức ngôn ngữ về các chủ đề khác nhau liên quan tới Khoa học – Công nghệ dưới dạng tin tức, các bản báo cáo, bài phỏng vấn bằng tiếng Anh và tiếng Việt để người học thực hành dịch và phát triển các kỹ năng liên quan tới việc dịch thuật văn bản chuyên ngành.

54. Biên dịch tiếng Anh Kinh tế - Kinh doanh - Công nghệ thông tin

Học phần Biên dịch tiếng Anh Kinh tế - Kinh doanh - Công nghệ thông tin, thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp kiến thức ngôn ngữ liên quan đến lĩnh vực Kinh tế và kinh doanh, Công nghệ thông tin và truyền thông. Ngoài ra, trong học phần này người học còn được rèn luyện tư duy sáng tạo, tư duy suy xét, kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; rèn luyện khả năng áp dụng ngữ cảnh, các kiến thức văn hóa để nâng cao chất lượng bản dịch.

55. Phiên dịch tiếng Anh Kinh tế - Kinh doanh - Công nghệ thông tin

Học phần Phiên dịch tiếng Anh - Kinh tế - Kinh doanh - Công nghệ thông tin, thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp kiến thức ngôn ngữ liên quan đến lĩnh vực Kinh tế và kinh doanh, Công nghệ thông tin và truyền thông. Ngoài ra, học phần này còn rèn luyện tư duy sáng tạo, tư duy suy xét, kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp cho người học; rèn luyện khả năng áp dụng ngữ cảnh, các kiến thức văn hóa để nâng cao chất lượng bản dịch.

56. Biên dịch tiếng Anh Điện - Điện tử

Học phần Biên dịch tiếng Anh Điện - Điện tử, thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp kiến thức ngôn ngữ về chủ đề Điện – Điện tử dưới dạng các bài báo, các bản báo cáo, bài phỏng vấn bằng tiếng Anh và tiếng Việt để người học thực hành dịch và phát triển các kỹ năng liên quan tới việc dịch thuật văn bản chuyên ngành Điện – Điện tử.

57. Phiên dịch tiếng Anh Điện - Điện tử

Học phần Phiên dịch tiếng Anh Điện – Điện tử, thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp kiến thức ngôn ngữ về lĩnh vực Điện và Điện tử dưới dạng các bản tin, bài phát biểu bằng tiếng Anh và tiếng Việt để người học thực hành và phát triển các kỹ năng liên quan tới việc phiên dịch các chủ đề thuộc chuyên ngành Điện – Điện tử.

58. Phiên dịch tiếng Anh kỹ thuật Cơ khí - Động lực - Xây dựng - Môi trường

Học phần Phiên dịch tiếng Anh kỹ thuật Cơ khí - Động lực - Xây dựng - Môi trường, thuộc khối kiến thức chuyên ngành giúp củng cố cho người học những kiến thức lý thuyết liên quan tới phiên dịch. Học phần này cũng giúp củng cố và cung cấp kiến thức ngôn ngữ liên quan đến lĩnh vực Cơ khí, Động lực, Xây dựng và Môi trường. Ngoài ra, học phần này còn rèn luyện tư duy sáng tạo, tư duy suy xét, kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp cho người học; rèn luyện khả năng áp dụng ngữ cảnh, các kiến thức văn hóa để nâng cao chất lượng phiên dịch.

59. Biên dịch tiếng Anh kỹ thuật Cơ khí - Động lực - Xây dựng - Môi trường

Học phần Biên dịch tiếng Anh kỹ thuật Cơ khí - Động lực - Xây dựng - Môi trường, thuộc

khối kiến thức chuyên ngành giúp củng cố cho người học những kiến thức lý thuyết liên quan tới biên dịch. Học phần này cũng giúp củng cố và cung cấp kiến thức ngôn ngữ liên quan đến lĩnh vực Cơ khí, Động lực, Xây dựng và Môi trường. Ngoài ra, học phần này còn rèn luyện tư duy sáng tạo, tư duy suy xét, kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp cho người học; rèn luyện khả năng áp dụng ngữ cảnh, các kiến thức văn hóa để nâng cao chất lượng bản dịch.

60. Phát triển kỹ năng cá nhân

Học phần này, giúp người học: Hiểu được điểm mạnh điểm yếu của bản thân, khắc phục những điểm yếu, phát huy điểm mạnh. Tự tin vào khả năng và giá trị của bản thân; Suy nghĩ tích cực; Xác định mục tiêu cụ thể để phấn đấu. Có khả năng giao tiếp tốt, biết cách tạo lập và duy trì các mối quan hệ tích cực trong cuộc sống. Biết cách giao tiếp và ứng xử trong môi trường làm việc. Biết cách nhận định, phân tích các vấn đề nảy sinh và biết tìm giải pháp giải quyết các vấn đề đó. Biết cách sử dụng thời gian và quản lý thời gian để làm việc hiệu quả. Hiểu được quy luật hoạt động của nhóm, biết cách làm việc nhóm, có tinh thần hợp tác, hỗ trợ, chia sẻ trong các hoạt động nhóm.

61. Nhập môn Internet và Elearning

Nhập môn Internet và E-Learning dành cho người học năm thứ nhất; nhằm trang bị cho người học kiến thức về Internet, cách sử dụng dịch vụ Internet để phục vụ cho quá trình tự học, tự nghiên cứu trao đổi kiến thức theo hình thức giáo dục từ xa; Học phần giới thiệu kiến thức E-Learning, khái niệm, đặc điểm, cấu trúc hệ thống phương pháp quy trình học E-Learning.

62. Thực tập tốt nghiệp

Học phần Thực tập tốt nghiệp, thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho người học kiến thức thực tế về cấu trúc tổ chức và các hoạt động liên quan đến giáo dục hoặc khoa học kỹ thuật công nghệ và các công việc trong thực tiễn trường học, doanh nghiệp, công ty; củng cố, bổ sung và hệ thống kiến thức chuyên ngành, khả năng làm việc trong môi trường thực tế, khả năng giải quyết vấn đề độc lập/nhóm, biết lập kế hoạch, quản lý thời gian và hoàn thành nhiệm vụ thực tập giảng dạy hoặc thực tập dịch.

63. Khóa luận tốt nghiệp

Học phần Khóa luận tốt nghiệp, thuộc khối kiến thức chuyên ngành, giúp người học củng cố các kiến thức và kỹ năng làm nghiên cứu khoa học. Người học cần vận dụng các kiến thức và kỹ năng được học và rèn luyện từ các học phần trong chương trình đào tạo để hoàn thành viết thuyết minh và bảo vệ thành công đề tài nghiên cứu đã chọn.

X. TÊN GIÁO TRÌNH VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Triết học Mác - Lênin

- 1.1. Giáo trình Triết học Mác – Lênin, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2020.
- 1.2. Giáo trình Triết học Mác – Lênin, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
- 1.3. Bài giảng HP Triết học Mác – Lênin, Bộ môn LLCT – Trường ĐHKTCN.
- 1.4. Khoa Triết học – Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Giáo trình Chủ nghĩa duy vật biện chứng, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.
- 1.5. Khoa Triết học – Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh; Giáo trình Chủ nghĩa duy vật lịch sử, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.
- 1.6. Một số vấn đề về chủ nghĩa Mác - Lênin trong thời đại hiện nay, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.

- 1.7. Phương cách làm bài môn Triết học Mác – Lênin, NXB ĐH KKTQD, Hà Nội, 2007.
- 1.8. Văn kiện Đại Hội Đảng CSVN từ khóa VI đến khóa XIII.
- 1.9. Lenin and philosophy and other essays, Louis Althusser, New York, 1972.
- 1.10. English for specific purpose – English for philosophy, Ngô Thị Phương Thiện, NXB TPHCM.
- 1.11. K.Marx and F.Engels – The holy family or critique of critical critique, Foreign languages publishing house, Moscow, 1956.
- 1.12. Karl Marx Frederick Engels – Collected works (Anti-Duhring dialectics of nature), International publisher New Your, 1975.
- 1.13. Karl Marx with Frederick Engels – The German ideology, Great books in philosophy, Published 1998 by Prometheus Books.
- 1.14. English for Students of Philosophy – Edited: Anh Tu MA.

2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin

- 2.1. Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Bộ Giáo dục và Đào tạo, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2020.
- 2.2. Giáo trình Kinh tế chính trị học Mác – Lênin, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
- 2.3. Bài giảng Kinh tế chính trị Mác - Lênin, BM LLCT, Trường ĐH KTCN.
- 2.4. Bài tập kinh tế chính trị học Mác – Lênin, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014.
- 2.5. Jeremy Rifkin (2014) Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba, bản dịch tiếng Việt, NXB Lao động xã hội, Hà Nội.
- 2.6. Manfred B Steger (2011), Toàn cầu hóa, NXB Tri thức, Hà Nội.
- 2.7. Klaus Schwab (2015), Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, (Bộ ngoại giao dịch và hiệu đính), NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, 2018, Hà Nội.
- 2.8. Karl Marx and Frederick Engels, Manifesto of the Communist Party, Marxists Internet Archive (marxists.org), 2005.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

- 3.1. Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học, Bộ Giáo dục và Đào tạo, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2020.
- 3.2. Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
- 3.3. Bài giảng Chủ nghĩa xã hội khoa, BM LLCT, Trường ĐH KTCN.
- 3.4. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học, NXB Lý luận chính trị - Hà Nội, 2018.
- 3.5. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa X, NXB CTQG - ST, Hà Nội, 2008.
- 3.6. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, XII, NXB CTQG - ST, Hà Nội, 2011, 2016.
- 3.7. Hoàng Chí Bảo, Nguyễn Việt Thông, Bùi Đình Bôn (đồng chủ biên), Một số vấn đề lý luận về giai cấp công nhân Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, NXB Lao động, Hà Nội, 2010.

4. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

- 4.1 Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội 2006.
- 4.2. Giáo trình Kinh tế chính trị; NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội 2006.
- 4.3. Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới; NXB Chính trị quốc gia, H. 2005; Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ X, XI, XII.
- 4.4. Văn kiện đảng toàn tập.
- 4.5. Bộ Giáo dục và Đào tạo. Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), NXB CTQG, HN, 2009 (và tái bản).
- 4.6. Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh) - NXB Chính trị quốc gia Hà Nội, 2016.
- 4.7. Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh; NXB Chính trị quốc gia, H. 2016.
- 4.8. Bộ Giáo dục và đào tạo. Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009.
- 4.9. Ban Tuyên giáo Trung ương. Tài liệu tham khảo phục vụ nghiên cứu các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, NXB CTQG, Hà Nội, 2011.
- 4.10. Bộ Giáo dục và Đào tạo. Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (dành cho các trường đại học và cao đẳng), tái bản lần thứ nhất, NXB CTQG, HN.
- 4.11. Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn sách giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Giáo trình lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (tái bản có sửa chữa, bổ sung). NXB CTQG, Hà Nội, 2008.
- 4.12. Nguyễn Phú Trọng, Đổi mới và phát triển - những vấn đề lý luận và thực tiễn, NXB. CTQG, HN, 2006.
- 4.13. Lê Mậu Hãn, Các cương lĩnh cách mạng của ĐCS Việt Nam, NXB CTQG, HN, 2000.
- 4.14. PGS.TS Nguyễn Trọng Phúc. Tìm hiểu lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam qua các Đại hội và hội nghị Trung ương (1930-2002). NXB Lao động, HN, 2003.
- 4.15. Ngô Đăng Tri, 80 năm Đảng Cộng sản Việt Nam, những chặng đường lịch sử (1930-2010), NXB Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2010.
- 4.16. Đại học Quốc gia Hà Nội. Một số chuyên đề về Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội, 2008.

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh

- 5.1. Đinh Xuân Dũng, Tư tưởng HCM về đạo đức, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2008.
- 5.2. Thành Duy, Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996.
- 5.3. Thành Duy, Tư tưởng Hồ Chí Minh với sự nghiệp xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
- 5.4. Văn kiện Đại Hội Đảng CSVN từ khóa VI đến khóa XIII.

- 5.5. Đại tướng Võ Nguyên Giáp (Chủ biên): Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997.
- 5.6. Trần Văn Giàu: “Nhân cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh”, trong: Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới”, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990.
- 5.7. Nguyễn Đình Lộc: Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của dân, do dân, vì dân, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.
- 5.8. Nguyễn Phúc Luân: Ngoại giao Hồ Chí Minh – Lấy chí nhân thay cường bạo, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2003.
- 5.9. Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
- 5.10. Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
- 5.11. Nguyễn Dy Niên: Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
- 5.12. Bùi Đình Phong: Hồ Chí Minh văn hóa soi đường cho quốc dân đi, NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2016.
- 5.13. Phùng Hữu Phú (Chủ biên): Chiến lược đại đoàn kết Hồ Chí Minh. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
- 5.14. GS. Song Thành, Hồ Chí Minh - Nhà tư tưởng lỗi lạc, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội, 2005.
- 5.15. GS Song Thành (Chủ biên): Hồ Chí Minh – Tiểu sử, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội, 2006.
- 5.16. Lê Văn Yên: Hồ Chí Minh với chiến lược đoàn kết quốc tế trong cách mạng giải phóng dân tộc, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.

6. Pháp luật đại cương

- 6.1. Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Giáo trình pháp luật đại cương, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2017.
- 6.2. Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật, NXB công an nhân dân, 2013.
- 6.3. Các văn bản quy phạm pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện hành có liên quan đến từng Chương của Học phần.
- 6.4. Ngô Thị Hồng Ánh (chủ biên), Hướng dẫn bài tập Pháp luật đại cương, NXB Đại học Thái Nguyên, 2020.

7. Tin học ứng dụng

- 7.1. Bài giảng Tin học ứng dụng – Bộ môn Tin học công nghiệp.
- 7.2. Tài liệu thực hành môn Tin học ứng dụng - Bộ môn Tin học công nghiệp.
- 7.3. Bùi Thế Tâm, Giáo trình tin học văn phòng, NXB Giao thông vận tải, 2013.

8. Dẫn luận ngôn ngữ học

- 8.1. Nguyễn Thiện Giáp (chủ biên) - Đoàn Thiện Thuật - Nguyễn Minh Thuyết; Dẫn luận ngôn ngữ học; NXB Giáo dục, 2007.
- 8.2. Nguyễn Thiện Giáp, Giáo trình ngôn ngữ học, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2008.
- 8.3. Đoàn Thiện Thuật, Ngữ âm tiếng Việt, NXB Đại học & THCN, HN, 1980.
- 8.4. Đỗ Hữu Châu - Bùi Minh Toán, Đại cương ngôn ngữ học, NXB Giáo dục, 2006.

- 8.5. Nguyễn Tài Căn, Ngữ pháp tiếng Việt, NXB Đại học & THCN, HN, 1973
- 8.6. Nguyễn Thiện Giáp, Những khái niệm cơ bản về ngôn ngữ học, ĐHTH HN, 1997.
- 8.7. Nguyễn Thiện Giáp, Từ vựng học tiếng Việt, NXB Đại học & THCN, HN, 1983.
- 8.8. Mai Ngọc Chừ - Vũ Đức Nghiệu - Hoàng Trọng Phiến, Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt; NXB Giáo dục, 2007.

9. Cơ sở văn hóa Việt Nam

- 9.1. Trần Ngọc Thêm, Cơ sở văn hóa Việt Nam, NXB Giáo dục, 2012.
- 9.2. Trần Quốc Vương, Cơ sở văn hóa Việt Nam, NXB Giáo dục, 2009.
- 9.3. Ngô Văn Doanh, Văn hóa Chămpa, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội, 1994.
- 9.4. Phan Kế Bính, Việt Nam phong tục, NXB Tp Hồ Chí Minh, 1990.
- 9.5. Trần Ngọc Thêm, Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam, NXB Tp.HCM, 2006.

10. Tiếng Việt thực hành

- 10.1. Bùi Minh Toán, Lê A, Đỗ Việt Hùng, Tiếng Việt thực hành, NXB Giáo dục, 1998.
- 10.2. Bùi Minh Toán, Nguyễn Quang Ninh, Tiếng Việt thực hành, NXB Giáo dục, 2004.
- 10.3. Bùi Minh Toán, Nguyễn Quang Ninh, Tiếng Việt thực hành, NXB Giáo dục, 2004.
- 10.4. Diệp Quang Ban, Ngữ pháp Việt Nam phần câu, NXB SPHN, 2004.
- 10.5. Nguyễn Đức Dân, Logic và tiếng Việt, NXB Giáo dục, 1996.
- 10.6. Nguyễn Minh Thuyết, Tiếng Việt thực hành, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 1999.
- 10.7. Trần Ngọc Thêm, Hệ thống liên kết văn bản, NXB Giáo dục, 2006.
- 10.8. Tạ Đức Hiền, 108 bài tập tiếng Việt, NXB Hải Phòng, 1998.
- 10.9. Đỗ Hữu Châu, Từ vựng- Ngữ nghĩa tiếng Việt, NXB Đại học Quốc gia HN, 1996.
- 10.10. Nguyễn Hoài Nguyên, Thực hành văn bản tiếng Việt, NXB ĐH Vinh, 2012.
- 10.11. Cao Xuân Hạo, Lý Tùng Hiếu, Các lỗi ngữ pháp phổ biến: nội dung, căn nguyên và cách sửa, NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, 2021.

11. Nhập môn khoa học - Công nghệ

- 11.1. Nhóm các Giảng viên Bộ môn KTCK-Khoa Quốc tế-ĐHKTCN, Bài giảng Giao tiếp Kỹ thuật, NXB ĐHTN, 2022.
- 11.2. Vũ Cao Đàm. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học. NXB Khoa học kỹ thuật, Hà nội, 2007.
- 11.3. Loan Marinescu et al. Product Design for Manufacture and Assembly, Marcel, Dekker Inc., ISBN: 0-8247-0584-X.

12. Tiếng Trung Quốc 1

- 12.1. Trần Thị Thanh Liêm, Giáo trình Hán ngữ 1, quyển Thượng (Phiên bản mới), NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2012.

13. Tiếng Trung Quốc 2

- 13.1. Trần Thị Thanh Liêm, Giáo trình Hán ngữ 1, quyển Thượng (Phiên bản mới), NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2012.
- 13.2. Trần Thị Thanh Liêm, Giáo trình Hán ngữ 2, quyển Thượng (Phiên bản mới), NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2012.

14. Tiếng Trung Quốc 3

14.1. Trần Thị Thanh Liêm, Giáo trình Hán ngữ 2, quyển Thượng (Phiên bản mới), NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2012.

15. Tiếng Trung Quốc 4

15.1 Trần Thị Thanh Liêm, Giáo trình Hán ngữ 2, quyển Thượng (Phiên bản mới), NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2012.

16. Logic học

16.1. Bộ môn PPL&PPDH, Bài giảng Logic học- Dùng cho sinh viên khối kỹ thuật, NXB Đại học Thái Nguyên, 2016.

16.2. Lê Doãn Tá, Tô Duy Hợp, Vũ Trọng Dung, Giáo trình logic học, NXB Chính trị quốc gia, 2006.

16.3. Nguyễn Như Hải, Giáo trình logic học đại cương, NXB Giáo dục, 2007

16.4. Trần Hoàng, Nhập môn Logic học, NXB Đại học Sư phạm TP HCM, 2002

17. Tâm lý học đại cương

17.1. Nguyễn Quang Uẩn, Tâm lý học đại cương, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 1999.

17.2. Trần Trọng Thủy, Bài tập thực hành tâm lý học, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2002.

17.3. Nguyễn Kim Quý, Nguyễn Xuân Thúc, Tình huống tâm lý học, NXB lao động, 2003.

17.4. Võ Thị Minh Chí, Tâm lý học thần kinh, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2004.

17.5. Phạm Minh Hạc, Tuyển tập tâm lý học, NXB giáo dục, 2002.

18. Nhập môn Khoa học tự nhiên

18.1. Lê Duyên Bình; Giáo trình vật lý đại cương tập 1, 2 và 3; NXB Giáo dục.

18.2. N. I. Kariakin, K. N. Bu'xtrov, P. X. Kireev; Người dịch: Đặng Quang Khang – Sách tra cứu tóm tắt về vật lý; NXB Khoa học kỹ thuật Hà Nội, NXB "MIR" Maxcova.

18.3. David Halliday, Robert Resnick, Jearl Walker – Fundamentals of Physics, Fourth Edition – John Willey & Sons, Inc.

19. Giao tiếp kỹ thuật

19.1. Bộ môn Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Bài giảng Giao tiếp kỹ thuật, ĐHKTCN.

19.2. Lê Thị Bùng, Tâm lý học ứng xử, NXB Giáo dục, 2001.

19.3. Lê Thị Quỳnh Trang, Lê Thị Thanh Trà, Trương Thị Thu Hương, Giáo trình những kỹ năng mềm cơ bản, NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2019.

19.4. Mike Markel, Technical Communication, Bedford/St. Martin's, 2012.

20. Kỹ năng nghe tiếng Anh 1

20.1. McClure, K. & Vargo, M. Q: Skills for Success (2nd edition): Listening and Speaking - Introduction. Oxford University Press, 2015.

20.2. Loughed L. Learning to Listen: Making Sense of Spoken English. Student's Book 1. Macmillan Publishers Limited, 2003.

20.3. Nunan, D. Listen In. Student Book 1. (2nd ed.). MA: Heinle, Thomson, 2003.

20.4. Jack C. Richards. Basic Tactics for Listening – Second edition. Oxford University Press, 2003.

21. Kỹ năng nghe tiếng Anh 2

21.1. Scanlon, J. Q Skills for Success 1 Listening and Speaking (Second edition). Oxford University Press, 2003.

21.2. Loughed L. Learning to Listen: Making Sense of Spoken English. Student's Book 2. Macmillan Publishers Limited, 2003.

21.3. Nunan, D. Listen In. Student Book 2. (2nd ed.). MA: Heinle, Thomson, 2003.

21.4. Jack C. Richards. Developing Tactics for Listening – Second edition. Oxford University Press, 2003.

22. Kỹ năng nghe tiếng Anh 3

22.1. R Margaret Brooks. (2015). Q: Skills for Success Listening and speaking 2. Oxford University Press.

22.2. Jack C. Richards. (2011). Tactics for Listening: Developing – 3rd edition. Oxford University Press.

23. Kỹ năng nghe tiếng Anh 4

23.1. Miles Craven, Kristin D. Sherman, Q: Skills for Success Listening and speaking 3, Oxford University Press 2017.

23.2. Cambridge First English Certificate Test 1. CUP

23.3. Cambridge First English Certificate Test 2. CUP

23.4. Cambridge First English Certificate Test 3. CUP

24. Kỹ năng nói tiếng Anh 1

24.1. McClure, K. & Vargo, M. (2015). Q: Skills for Success (2nd edition): Listening and Speaking - Introduction. Oxford University Press.

24.2. Blackwell, A. & Naber, T. (2015). Inside Listening and Speaking Introduction Student's book. Oxford University Press.

24.3. Hughes, J. (2014). Life A1-A2 Student's book (Vietnam edition). National Geographic Learning.

24.4. Lansford, L. (2015). Unlock Listening and Speaking Skills 1. Cambridge University Press.

24.5. Leo Jones. Let's talk 1. Cambridge University Press.

25. Kỹ năng nói tiếng Anh 2

25.1. Scanlon, J. (2019). Q Skills for Success 1 Listening and Speaking (Second edition). Oxford University Press.

25.2. Reston, C. (2014). Face2face elementary. Cambridge University Press.

25.3. Lansford, L. (2015). Unlock listening and speaking skills 2. Cambridge University Press.

25.4. Leo Jones. Let's talk 2. Cambridge University Press.

25.5. Sue Kay & Vaughan Jones. English Pronunciation in Use. Cambridge University Press.

26. Kỹ năng nói tiếng Anh 3

26.1. Margaret Brooks. (2015). Q: Skills for Success Listening and speaking 2. Oxford University Press.

- 26.2. Nguyen T.D.L et al. Speaking naturally. Hanoi University of Technology. 2005.
- 26.3. Betsis, A. (2019). Succeed in Cambridge English B1 Preliminary - 8 Practice Tests for the Revised Exam from 2020 - Student's book: 8 Complete Practice Tests. GLOBAL ELT.
- 26.4. Chis, L. K. (2018). English File:4th Edition Intermediate. Student's Book with Online Practice (Pack). OXFORD UP ELT.
- 26.5. Nauton, Jon. Think first Certificate. Oxford University Press. 1993.

27. Kỹ năng nói tiếng Anh 4

- 27.1. Margaret Brooks. (2015). QSkills for Success Listening and speaking 3. Oxford University Press.
- 27.2. Nguyen T.D.L et al. Speaking naturally. Hanoi University of Technology. 2005.
- 27.3. Jones, L. (2018). Let's talk 3. Cambridge University Press.
- 27.4. Richards, J.C. (2015). Expanding Tactics for Listening. Oxford University Press.

28. Kỹ năng đọc tiếng Anh 1

- 28.1. Neil J Anderson, Active Skills for Reading Intro 3rd Edition National Geographic Learning, 2013.
- 28.2. Nancy Douglas Reading explorer 1 National Geographic Learning, 2015.
- 28.3. Murphy, R. Essential Grammar in Use. Cambridge University Press, 2004.
- 28.4. Patricia Ackert & Anne L. Nebel Insight and Ideas 2nd Edition Press of United States of America.

29. Kỹ năng đọc tiếng Anh 2

- 29.1. Neil J Anderson, Active Skills for Reading 1 3rd Edition, National Geographic Learning, 2013.
- 29.2. Arline Burgmeier, Inside Reading 1, Oxford University Press, 2009.
- 29.3. Stuart Redman, Vocabulary in Use - Pre-intermediate & Intermediate, Cambridge University Press, 1997.
- 29.4. Markstein, L. & Hirasawa, L. Developing reading skills Heinle & Heinle Publishers, 1994.

30. Kỹ năng đọc tiếng Anh 3

- 30.1. Neil J Anderson, Active Skills for Reading 2 3rd Edition–National Geographic Learning, 2013.
- 30.2. Arline Burgmeier, Inside Reading 2, Oxford University Press, 2009.
- 30.3. Stuart Redman, Vocabulary in Use- Pre-intermediate & Intermediate, Cambridge University Press, 1997.
- 30.4. Markstein, L. & Hirasawa, L. Developing Reading Skills. Heinle & Heinle Publishers, 1994.

31. Kỹ năng đọc tiếng Anh 4

- 31.1. Neil J Anderson, Active Skills for Reading 3 3rd Edition–National Geographic Learning, 2013.
- 31.2. Hartman, P. (1999). Quest 4. McGraw-Hill. Neil J Anderson, Active Skills for Reading 2 3rd Edition–National Geographic Learning, 2013.
- 31.3. Arline Burgmeier, Inside Reading 2, Oxford University Press, 2009.
- 31.4. Stuart Redman, Vocabulary in Use - Pre-intermediate & Intermediate, Cambridge University Press, 1997.
- 31.5. Markstein, L. & Hirasawa, L. Developing Reading Skills. Heinle & Heinle Publishers, 1994.

32. Kỹ năng viết tiếng Anh 1

- 32.1. Keith S. Folse, April Muchmore-Vokoun and Elena Vestri. Great Writing 1. The fifth edition. National Geographic Learning & Cengage Learning, 2020.
- 32.2. Alice Oshima & Ann Hogue, Writing Academic English, 2006.
- 32.3. Alice Savage & Masoud Shafiei, Effective Academic Writing 1, Oxford University Press, 2007.
- 32.4. Keith S. Folse, April Muchmore-Vokoun and Elena Vestri. Great Writing Foundation. The fifth edition. National Geographic Learning & Cengage Learning, 2020.

33. Kỹ năng viết tiếng Anh 2

- 33.1. Keith S. Folse, April Muchmore-Vokoun and Elena Vestri. Great Writing 2. The fifth edition. National Geographic Learning & Cengage Learning, 2020.
- 33.2. Alice Savage & Masoud Shafiei, Effective Academic Writing 1, Oxford University Press, 2007.
- 33.3. Alice Oshima & Ann Hogue, Writing Academic English, 2006.
- 33.4. Keith S. Folse, April Muchmore-Vokoun and Elena Vestri. Great Writing Foundation. The fifth edition. National Geographic Learning & Cengage Learning, 2020.

34. Kỹ năng viết tiếng Anh 3

- 34.1. Keith S. Folse, Elena Vestri, David Clabeaux, Great Writing 3, Student's Book National Geographic Learning, 5th ed., 2020.
- 34.2. Alice Oshima & Ann Hogue, Writing Academic English, 3rd ed., 2008.
- 34.3. Alice Savage & Patricia Mayer. Effective Academic Writing 2. Oxford University Press, 2006.
- 34.4. Stephen Bailey, Academic Writing – A Handbook for International Students, 3rd ed., Routledge Publisher, 2011.
- 34.5. Dorothy E. Zemach & Lisa A. Rumisek, Academic Writing from paragraph to essay, MacMillan Publisher, 2005.

35. Kỹ năng viết tiếng Anh 4

- 35.1. Keith S. Folse, Elena Vestri, David Clabeaux, Great Writing 4, Student's Book National Geographic Learning, 5th ed., 2020.
- 35.2. Alice Oshima & Ann Hogue, Writing Academic English, 3rd ed., 2008.
- 35.3. Richard Brown & Lewis Richards, IELTS Advantage Writing Skills, Delta Publishing: UK, 2011.
- 35.4. Sam McCarter, Academic Writing Practice for IELTS, 3rd ed., IntelliGene Publisher, 2003.
- 35.5. Stephen Bailey, Academic Writing – A Handbook for International Students, 3rd ed., Routledge Publisher, 2011.

36. Luyện âm tiếng Anh

- 36.1. Marks, J. (1999), English pronunciation in use (Elementary), Cambridge University Press.
- 36.2. Baker, A. (1981). Ship or sheep. Cambridge: Cambridge University Press.
- 36.3. Dale, P. & Poms, L. (2005). English Pronunciation Made Simple. Longman.

37. Ngữ pháp tiếng Anh 1

- 37.1. Norman Coe. Oxford Practice Grammar. Oxford University Express, 2009.
- 37.2. Betty Schramper Azar. Basic English Grammar, Longman, 2009.

37.3. John Eastwood. Oxford Practice Grammar, Oxford University Press, 2002.

37.4. Raymon Murphy. English Grammar in Use, Cambridge University Press, 2019.

38. Ngữ pháp tiếng Anh 2

38.1. Quirk, R & Greenbaum, S. (1973). A university Grammar of English (Students'book). Longman.

38.2. Quirk, R & Greenbaum, S. (1973). A university Grammar of English (Workbook). Longman.

38.3. Bộ môn Ngoại ngữ, Trường ĐHKTCN, Bài giảng Ngữ pháp Tiếng Anh nâng cao.

38.4. Murphy, R. (2012). English Grammar in Use. Cambridge.

38.5. Greenbaum, S. (1996). Oxford English Grammar. Oxford.

38.6. Jacobs, R.A. (1995). English syntax. Oxford.

39. Ngữ âm và âm vị học

39.1. Roach, Peter. Phonetics and Phonology: A practical course. The fourth edition. Cambridge: Cambridge University Press, 2009.

39.2. Ladefoged, Peter. & Johnson, Keith. A course in Phonetics. Sixth edition. Wadsworth, Cengage Learning, 2010.

39.3. Brian Gick, Ian Wilson and Donald Derrick. Articulatory Phonetics. Wiley-Blackwell, 2013.

39.4. Anita C. Bickford and Rick Floyd. Articulatory Phonetics: Tools for analyzing the World's Languages. Fourth edition. SIL International, 2006.

40. Từ vựng học

40.1. Iliencko, L., Kamienieva, A., Moshtagh, S. English Lexicology. O.M. Beketov National University of Urban Economy in Kharkiv, 2020.

40.2. Pavalik, R. A Textbook of English Lexicology I. Word Structure, Word formation, Word Meaning. Z-F Lingua, Bratislava, 2017.

40.3. Bauer, L. An Introduction to English Lexicology. Edinburgh University Press, 2021.

40.4. Lipka, L. An Outline of English Lexicology – Second Edition. Max Niemeyer Verlag Tübingen, 1992.

41. Văn hóa xã hội Anh – Mỹ

41.1. Mc Dowall, D. (2000). Britain in close -up. Longman.

41.2. O'Driscoll, J. (2000). Britain. The country and its people: An introduction for Learners of English. Oxford University Press

41.3. Crandall, J. (1987). The American ways – An introduction to American culture. Prentice Hall Regents.

41.4. Bộ môn Ngoại ngữ, Trường ĐHKTCN, Bài giảng Văn hoá xã hội Anh Mỹ.

41.5. Brookes, HF & Fraenkel CE. (2002). Life in Britain. Heinemann.

41.6. Nash, G. (2008). The American People: Creating a Nation and Society. Prentice Hall.

47. Văn học Anh - Mỹ

47.1. Nguyen Kim Loan (2000). English Literature. Trường Đại học Ngoại ngữ.

47.2. Barnet, S. & Berman, M. & Burto, W. & Cain, W.E., (1997) "An Introduction to Literature".

47.3. Nguyen Xuan Thom (1997), "A History of English and American Literature"

47.4. L.Cortes, Nikiforova, Soudlenkova, “English Literature”, Phạm Xuân Hùng.

47.5. Le Dinh Cuc (2006), Lịch sử văn học Mỹ. Vietnam Education Publishing House, Hanoi.

48. Phương pháp nghiên cứu khoa học

48.1. John, W. Creswell, Research Design, 4th ed., Sage Publications, 2014.

48.2. Ranjit Kumar, Research Methodology: A step-by-step guide for beginners, 3rd ed., Sage Publications, 2011.

48.3. Keith S. Folse, Elene Vestri, David Clabeaux, Great Writing 5, Student’s Book National Geographic Learning, 5th ed., 2020.

48.4. Patricia Leavy, Research Design, Guilford Publications, 2017.

48.5. Shanti Bhushan Mishra & Shashi Alok, Handbook of Research Methodology, EduCreation Publishing, 2017.

49. Phương pháp giảng dạy tiếng Anh

49.1. Nguyen, B. et al. (2003). BA Upgrade – English Language Teaching Methodology. Ministry of education and training – Teacher-training project.

49.2. Doff, A. (1988). Teach English: A training course for teachers. Cambridge University Press.

49.3. Brown, D., Teaching by Principles: An interactive Approach to Language Pedagogy. San Francisco State University.

49.4. Harmer, J. (2012). Essential Teacher Knowledge–Core Concepts in English Language Teaching.

49.5. Harmer, J. (2001). The practice of English language teaching. Malaysia: Pearson Education.

49.6. Nation, P. (2013). What Should Every EFL Teacher Know?. Compass Publishing.

49.7. Thornbury, S. & Watkins, P.(2007). The CELTA course: Certificate in English Language Teaching to Adults - Trainee book. Cambridge University Press

49.8. Ur, P. (2009). A Course in Language teaching – Practice and Theory. Cambridge University Press.

50. Tiếng Anh Kinh tế - Kinh doanh

50.1. Mackenzie I. English for Business Studies 3rd edition. Cambridge University Press, 2010.

50.2. Rachal A., John B., Brian B., and Jane H. Business one-one – pre-intermediate. Oxford University Press, 2009.

50.3. Jones, L. New International Business English. Cambridge University Press, 2006.

50.4. Naunton, J. Head for Business. Oxford University Press, 2005.

50.5. Rawdon, W. Check your English Vocabulary for Business and Administration. A&C Black Publishers Ltd, 2007.

51. Tiếng Anh Công nghệ thông tin và truyền thông

51.1. Eric H.glendinning and John McEwan. Oxford English for Information Technology. Second Edition. Oxford University Press.

51.2. David Hill. English for Information Technology. Level 2. Pearson Longman.

51.3. Esteras. R. 2008. InfoTech. English for Computer Users. 4th edition. Cambridge University Press.

51.4. Boeckner, K. & Charles Brown, P. 1997. Oxford English for Computing. Oxford. OUP.

51.5. O'Leary, T. J & O'Leary, L.I., Computing Essentials 2012: Complete Edition, McGraw-Hill/Irwin.

52. Tiếng Anh Kỹ thuật Cơ khí - Động lực

52.1. Glendinning, E. H., & Glendinning, N., (1997). Oxford English for electrical and mechanical engineering, Oxford: Oxford University Press.

52.2. Mark Ibbotson. (2008). Cambridge English for Engineering. Cambridge University Press.

52.3. Nick Brieger and Alison Pohl. Technical English, Vocabulary and Grammar. Summertown Publishing.

52.4. Nguyen Tuan Hung, (2007). Technical English for Automotive Engineering. Ho Chi Minh University of Industry.

52.5. Timings R. (2002). Engineering fundamentals. Newnes Publishing.

53. Tiếng Anh Kỹ thuật Xây dựng - Môi trường

53.1. Frendo, E. English for Construction 2. Pearson Education Limited, 2012.

53.2. Kolenaty, M. English for Environmental Studies. J. E. Purkyne University in Usti and Labem, Faculty of the Environment, 2014.

53.3. Khoa Xây dựng Dân dụng và công nghiệp – Đại học Xây dựng Hà Nội, Tiếng Anh trong Kiến trúc và Xây dựng, NXB Xây dựng, 1999.

53.4. Richard L. English for Environmental Science in higher education studies, International Press, 2009.

53.5. Bharucha, E. Textbook for Environmental Studies for Undergraduate Courses of all Branches of Higher Education. Universities Press, 2004.

54. Tiếng Anh Kỹ thuật Điện – Điện tử

54.1. Glendinning, E. H., & John, M., (2001). Oxford English for electronics. Oxford: Oxford University Press.

54.2. Glendinning, E. H., & Glendinning, N., (1997). Oxford English for electrical and mechanical engineering, Oxford: Oxford University Press

54.3. Nick Brieger and Alison Pohl. Technical English, Vocabulary and Grammar. Summertown Publishing.

54.4. Stephen W.Fardo and Dale R.Patrick (2008). Electricity and electronics fundamentals. Second edition. River Publishers.

54.5. Stan Gibilisto, (2002). Teach yourself electricity and electronics, Newyork: Mc. Graw- Hill.

55. Lý thuyết dịch

55.1. Bộ môn Ngoại ngữ, Trường ĐHKTCN, Bài giảng Lý thuyết dịch, 2022.

55.2. Nguyen Quoc Hung. M.A. Interpreting Techniques English – Vietnamese Vietnamese - English. Ho Chi Minh General Publishing House, 1996.

55.3. Ford Foundation. Best Practices in Translation. Hanoi: NGO steering Committee, 1996.

55.4. Jones, Roderick. Conference Interpreting Explained. Manchester, UK: St Jerome Publishing, 2002.

55.5. Newmark, Peter. A textbook of Translation. Herfordshire: Prentice Hall International (UK) Ltd, 1986.

55.6. Newmark, Peter. Approaches to Translation. Oxford: Pergamon Press, 1982.

55.7. Translation and Interpretation Section. Interpreting and translation Coursebook. Hanoi: English Department, Hanoi University of Studies, 1997.

56. Biên dịch tiếng Anh Khoa học - Công nghệ

56.1. Bộ môn Ngoại ngữ, Bài giảng Thực hành dịch viết tổng hợp, Trường ĐHKTCN, 2022.

56.2. Supplementary materials from authentic sources such as newspapers, magazines, the Internet. etc

56.3. T.T. Lư, Dịch thuật Văn bản Khoa học. NXB Khoa học Xã hội, 2009.

56.4. M. T. Hoàng, H. Nguyễn, Luyện dịch Việt – Anh. 2003.

56.5. T.H. Nguyễn, Cẩm nang luyện dịch Việt – Anh. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2011.

57. Phiên dịch tiếng Anh Khoa học - Công nghệ

57.1. Bộ môn Ngoại ngữ, Bài giảng Thực hành dịch nói tổng hợp, Trường ĐHKTCN, 2022.

57.2. Supplementary materials from authentic sources such as newspapers, magazines, the Internet. etc

57.3. Q. H. Nguyễn, Hướng dẫn kỹ thuật Phiên dịch Anh – Việt, Việt – Anh. NXB tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2007.

57.4. Thực hành Phiên dịch Anh – Việt, Việt – Anh. NXB tổng hợp Thành phố HCM, 2007.

57.5. M. T. Hoàng, H. Nguyễn, Luyện dịch Việt – Anh. 2003.

58. Biên dịch tiếng Anh Kinh tế - Kinh doanh - Công nghệ thông tin

58.1. Bộ môn Ngoại ngữ, Bài giảng Thực hành dịch viết tiếng Anh Kinh tế - Kinh doanh - Công nghệ thông tin, Trường ĐHKTCN, 2022.

58.2. Supplementary materials from authentic sources such as newspapers, magazines, the Internet. etc.

58.3. Daniel Gile. (1995). Basic Concepts and Models for Interpreter and Translator training. Benjamins of Amsterdam.

59. Phiên dịch tiếng Anh Kinh tế - Kinh doanh - Công nghệ thông tin

59.1. Bộ môn Ngoại ngữ - Khoa Quốc tế, Bài giảng Thực hành dịch nói tiếng Anh Kinh tế - Kinh doanh - Công nghệ thông tin, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, 2022.

59.2. Supplementary materials from authentic sources such as newspapers, magazines, the Internet. etc.

59.3. VOA Learning English.

60. Biên dịch tiếng Anh Điện - Điện tử

60.1. Bộ môn Ngoại ngữ, Bài giảng Thực hành dịch viết Điện – Điện tử, Trường ĐHKTCN, 2022.

60.2. Eric H. G. and John E. Oxford English for Electronics. Oxford University Press, 1993.

60.3. Eric H. G. and Norman G. Oxford English for Electrical and Mechanical Engineering. Oxford University Press, 1995.

61. Phiên dịch tiếng Anh Điện - Điện tử

61.1. Bộ môn Ngoại ngữ, Bài giảng Thực hành dịch nói Điện – Điện tử, Trường ĐHKTCN, 2022.

61.2. Eric H. G. and John E. Oxford English for Electronics. Oxford University Press, 1993.

61.3. Eric H. G. and Norman G. Oxford English for Electrical and Mechanical Engineering. Oxford University Press, 1995.

62. Biên dịch tiếng Anh Cơ khí – Động lực - Xây dựng – Môi trường

62.1. Bộ môn Ngoại ngữ, Bài giảng Dịch viết Tiếng Anh kỹ thuật Cơ khí - Động lực và Xây dựng - Môi trường, Trường ĐHKTCN, 2022.

62.2. Department of English Language and Translation, English for Machinery and Metallurgy, Ha Noi University of Technology, 2003.

62.3. Richard Lee, English for Environmental Science in Higher Education Studies, International Press, 2009.

62.4. Glendinning, E. & Glendinning, N. Oxford English for Electrical and Mechanical Engineering. Oxford University Express, 1997.

62.5. Bộ môn Ngoại ngữ, Bài giảng tiếng Anh 3, Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, 2010.

63. Phiên dịch tiếng Anh Cơ khí – Động lực - Xây dựng – Môi trường

63.1. Bộ môn Ngoại ngữ - Khoa Quốc tế, Bài giảng Thực hành dịch nói Tiếng Anh kỹ thuật Cơ khí - Động lực và Xây dựng - Môi trường, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, 2022.

63.2. Department of English Language and Translation, English for Machinery and Metallurgy, Ha Noi University of Technology, 2003.

63.3. Richard Lee, English for Environmental Science in Higher Education Studies, International Press, 2009.

63.4. Department of English Language and Translation, Translation Practice III, Ha Noi University of Technology, 2009.

63.5. William C. Cole-French, Reading the Daily News from Vietnam, Vietnam News Publishing House, 2009.

63.6. “The 5th “Engaging with Vietnam - An Interdisciplinary Dialogue Conference”, Thai Nguyen University, 2013.

64. Thực tập tốt nghiệp

64.1. John, W. Creswell, Research Design, 4th ed., Sage Publications, 2014.

64.2. Ranjit Kumar, Research Methodology: A step-by-step guide for beginners, 3rd ed., Sage Publications, 2011.

64.3. Keith S. Folse, Elene Vestri, David Clabeaux, Great Writing 5, Student’s Book National Geographic Learning, 5th ed., 2020.

64.4. Patricia Leavy, Research Design, Guilford Publications, 2017.

64.5. Shanti Bhushan Mishra & Shashi Alok, Handbook of Research Methodology, EduCreation Publishing, 2017.

65. Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp

- 65.1. John, W. Creswell, Research Design, 4th ed., Sage Publications, 2014.
- 65.2. Ranjit Kumar, Research Methodology: A step-by-step guide for beginners, 3rd ed., Sage Publications, 2011.
- 65.3. Keith S. Folse, Elene Vestri, David Clabeaux, Great Writing 5, Student's Book National Geographic Learning, 5th ed., 2020.
- 65.4. Patricia Leavy, Research Design, Guilford Publications, 2017.
- 65.5. Shanti Bhushan Mishra & Shashi Alok, Handbook of Research Methodology, EduCreation Publishing, 2017.
- 65.6. Nunan, D. , Research Methods in Language Learning, Cambridge University Press: Melbourne, 1994.
- 65.7. Rozakis, L. , Schaum 's Quick Guide to Writing Great Research Papers, McGraw-Hill: New York, 1999.
- 65.8. Các tài liệu tham khảo khác theo đề tài Khóa luận tốt nghiệp.

PHẦN 3. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ PHỤC VỤ ĐÀO TẠO

I. CƠ SỞ VẬT CHẤT, PHƯƠNG THỨC ĐÀO TẠO

1. Phương tiện

Trường ĐHKTCN với cơ sở vật chất được trang bị đầy đủ và hiện đại, có đủ điều kiện để tổ chức hình thức ĐTTX.

Nhà trường được trang bị đủ phòng học, phòng nghiên cứu, phòng seminar; Các phòng được xây dựng theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, đảm bảo về không gian, ánh sáng, được trang bị nhiều phương tiện hỗ trợ: Phòng học đa phương tiện, phòng máy tính nối mạng (24/7)...đảm bảo cho việc học tập và giảng dạy của VC-NLĐ và người học trong toàn Trường đạt hiệu quả cao nhất.

2. Học liệu

Nhà trường có thư viện với nhiều đầu sách về khoa học xã hội nhân văn, sách để tham khảo học tập đáp ứng cơ bản đủ sách chuyên môn phục vụ giảng dạy và học tập, ngoài ra người học còn được sử dụng thư viện để khai thác truy cập lấy dữ liệu phục vụ học tập, nghiên cứu khoa học.

Học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo...sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện Trường và Trung tâm Số - ĐHTN: trên 1000 đầu tài liệu.

Học liệu của chương trình được sử dụng để hỗ trợ các giảng viên và người học dưới nhiều dạng khác nhau, bộ học liệu bao gồm:

- Đề cương chi tiết môn học;
- Bài giảng dạng text: File PDF;
- Bài giảng dạng âm thanh, hình ảnh: MP3, Slide và Video;
- Bài giảng trình chiếu: Slide.

Ngoài học liệu trên hệ thống học tập còn có: Bộ ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, các bài luyện tập trắc nghiệm...

* Năm học đầu tiên học liệu thuộc các khối: kiến thức giáo dục đại cương và một số môn thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được Nhà trường xây dựng và đăng tải lên trên hệ thống học tập cho các học phần.

Nhà trường cũng dần từng bước xây dựng học liệu bổ trợ giúp người học có thể tự học cho những học phần này vào những khóa học tiếp theo;

* Học liệu cho những học phần còn lại thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được hoàn thiện 1 năm sau khi khai giảng khóa học đầu tiên; Học liệu được xây dựng đảm bảo học liệu chính và học liệu bổ trợ để giúp người học có thể tự học; phù hợp với phương thức tổ chức đào tạo từ xa E-learning.

3. Phần mềm hỗ trợ

Để đảm bảo cung cấp thông tin liên quan tới ĐTTX, lưu trữ và truyền tải nội dung chương trình ĐTTX tới người học; giám sát, quản lý và đánh giá người học trong quá trình học tập; lưu trữ và bảo mật thông tin về việc học tập, quá trình tham gia học tập cũng như hồ sơ cá nhân của người học; kết nối thông tin giữa người học, giảng viên và cán bộ quản lý qua hệ thống công nghệ thông tin, Trường ĐHKTCN kết hợp với Công ty Cổ phần tư vấn dịch vụ đào tạo AUM Việt Nam phối hợp thực hiện việc quản lý và giảng dạy lớp học trực tuyến thông qua phần mềm AUM e-Teaching. Hơn nữa, Nhà trường còn trang bị phần mềm Edusoft và đang hợp tác/phát triển một số phần mềm khác phục vụ cho quản lý người học.

4. Phương thức đào tạo

Đào tạo bằng hình thức E-Learning là một phương thức đào tạo tiên tiến và có rất nhiều lợi ích, nhất là trong điều kiện hạ tầng viễn thông và công nghệ thông tin phát triển như hiện nay. Phương pháp học tập dựa trên công nghệ ICT đang làm thay đổi ngành giáo dục thế giới từ tổ chức, quản lý đào tạo đến xây dựng bài giảng, hỗ trợ người học. Mặc dù có những cách tiếp cận rất khác nhau, nhưng hầu hết các cơ sở ĐTTX đều đã có những bước chuyển biến tích cực về việc đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho đất nước, đáp ứng nhu cầu học tập, nâng cao trình độ cho người học.

Nắm bắt xu thế phát triển của thế giới, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đào tạo, góp phần tích cực xây dựng một xã hội hóa học tập, Trường ĐHKTCN đã đẩy mạnh, phát triển đào tạo đại học từ xa theo phương thức E-Learning. Tại Đề án này, Trường xây dựng chương trình ĐTTX ngành Ngôn ngữ Anh theo phương thức E-Learning có kết hợp là phương thức tổ chức đào tạo.

Trường dự kiến triển khai mô hình học E-Learning như sau: Hàng tuần, người học lên hệ thống học với các học liệu đa phương tiện, làm bài tập. Việc trao đổi ý kiến, giải đáp thắc mắc về học phần với giảng viên được thông qua diễn đàn “Người học hỏi/Giảng viên trả lời” hoặc thông qua buổi học trực tuyến cùng thời điểm trên hệ thống lớp học ảo theo kế hoạch học tập cho trước. Ngoài ra, người học tự học với giáo trình, tài liệu in ấn và học liệu trên đĩa CD. Một số học phần sẽ triển khai học trực tuyến qua phần mềm, hoặc tại cơ sở thực tế.

Triển khai học E-Learning thông qua hệ thống phần mềm sau: Phần mềm tổ chức lớp học (LMS): là hệ thống học tập trực tuyến, giúp người học học tập trực tiếp trên hệ thống với đầy đủ các thông tin về lớp học, học phần, giảng viên, học liệu...

Phần mềm quản lý người học (SCM): là phần mềm quản lý thông tin và quá trình học tập của người học trong suốt quá trình đào tạo.

Người học tự học thông qua học liệu điện tử là chính, giảng viên đóng vai trò là người hướng dẫn, giải đáp thắc mắc trên hệ thống học tập. Bên cạnh đó, mỗi học phần người học có từ 2 đến 4 buổi học online trực tiếp trên hệ thống; nội dung học là tổng hợp kiến thức, giải đáp thắc mắc, các chủ đề thảo luận mở và chủ đề liên quan đến học phần để người học tham gia thảo luận các tình huống thực tế, nâng cao chất lượng đào tạo.

Một học phần được triển khai thường trong 8 tuần gồm 5 nội dung cơ bản sau đây:

Bước 1: Người học học phần lý thuyết

Bước 2: Người học trao đổi thảo luận với giảng viên qua diễn đàn

Bước 3: Người học ôn lại kiến thức thu được thông qua các bài thực hành

Bước 4: Trước khi thi hết môn, người học được ôn tập lại toàn bộ kiến thức

Bước 5: Thi tập trung tại Trường/Trạm đào tạo từ xa

II. ĐỘI NGŨ CÁN BỘ

1. Đội ngũ của Trường

Về nguồn nhân lực: tính đến 30/3/2024, Trường có tổng số 473 VC, NLD với 349 GV với 125 Tiến sĩ (trong đó có 01 GS, 28 PGS), độ tuổi trung bình là 41,79 tuổi, số lượng tiến sĩ dưới 45 tuổi là 82; 25 tiến sĩ trẻ được đào tạo và tu nghiệp ở nước ngoài, số lượng PGS dưới 45 tuổi là 10 người; số lượng GV có chứng chỉ tin học IC3: 317/349 GV, chứng chỉ ngoại ngữ: 330/349 GV. Nhà trường hiện đang triển khai đào tạo gần 8.000 sinh viên trong nước và quốc tế hệ chính quy và phi chính quy với 21 ngành đào tạo/37 chuyên ngành đào tạo trình độ đại học; 07 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ; 04 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ. Ngoài ra, Nhà trường cũng đang triển khai tổ chức 02 CTĐT liên kết quốc tế.

Đội ngũ giảng viên của Trường đa số có tuổi đời trẻ (dưới 45 tuổi), có trình độ tin học và ngoại ngữ tốt (đặc biệt là Tiếng Anh), nhiệt tình, năng động, ham học hỏi.

Nhà trường luôn khuyến khích và có chính sách ưu đãi đối với các giảng viên được cử đi học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, các giảng viên tự tìm được học bổng đi du học ở nước ngoài; đặc biệt quan tâm đến việc thu hút nhân tài và có chính sách đãi ngộ rất thoả đáng để thu hút đội ngũ cán bộ giảng dạy có trình độ cao về Trường làm việc.

Các Khoa tham gia vào công tác ĐTTX tại Trường:

- Khoa Khoa học cơ bản và Ứng dụng;
- Khoa Quốc tế;
- Khoa Kinh tế Công nghiệp;
- Khoa Điện;
- Khoa Xây dựng và Môi trường
-;
- Một số giảng viên ngoài Trường được mời theo quy định của Trường;

2. Đội ngũ giảng viên của Khoa Quốc tế và Bộ môn Ngoại ngữ

Thực hiện định hướng chiến lược về phát triển các chương trình đào tạo bằng tiếng nước ngoài trên cơ sở của 2 chương trình tiên tiến, Khoa Quốc tế đã được thành lập ngày 12/8/2013 từ 03 bộ môn Kỹ thuật Cơ khí, Kỹ thuật Điện dạy bằng tiếng Anh và bộ môn Ngoại ngữ. Đến nay sau

hơn 10 năm, Khoa Quốc tế đã có 04 bộ môn và 01 phòng thực hành, tổ chức 05 chương trình đào tạo đại học bằng tiếng Anh với gần 50 giảng viên, VC-NLĐ. Phần lớn giảng viên của Khoa được đào tạo, thực tập ở nước ngoài và đã đạt chuẩn tiếng Anh Toefl-ITP 550 trở lên.

Khoa Quốc tế là khoa mũi nhọn, đi tiên phong trong sự nghiệp đổi mới căn bản và toàn diện Nhà trường theo hướng hội nhập quốc tế và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc thông qua triển khai có hiệu quả và lan tỏa các chương trình đào tạo bằng tiếng nước ngoài và áp dụng các triết lý tiên tiến trong nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

Bộ môn Ngoại ngữ với đội ngũ 17 giảng viên (03 Tiến sĩ, 13 Thạc sĩ và NCS, 01 Cử nhân) là một trong 4 bộ môn trực thuộc Khoa Quốc tế, phụ trách chương trình đào tạo Ngành ngôn ngữ Anh – Chuyên ngành Tiếng Anh Khoa học Kỹ thuật và Công nghệ, là 01 trong 04 chương trình đào tạo của Khoa Quốc tế; TS Phùng Thị Thu Hà là giảng viên chủ trì ngành. Mục tiêu của chương trình đào tạo Ngành ngôn ngữ Anh – Chuyên ngành tiếng Anh Khoa học Kỹ thuật và Công nghệ là đào tạo người học có đủ các kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức tiếng Anh cơ sở và tiếng Anh chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ, có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng tự học, ham tìm hiểu và học tập suốt đời, kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp, tư duy hệ thống, kỹ năng biên dịch, phiên dịch và giảng dạy, có khả năng tự chủ và tự chịu trách nhiệm, có phẩm chất chính trị, đạo đức, thái độ nghề nghiệp phù hợp, đáp ứng yêu cầu của xã hội về nguồn nhân lực tiếng Anh trong xu thế hội nhập quốc tế hiện nay.

Ngoài nhiệm vụ đào tạo cử nhân Ngôn ngữ Anh, Bộ môn còn đảm nhiệm giảng dạy các học phần tiếng Anh cơ bản cho các chương trình đào tạo khác trong Khoa và Trường như Chương trình tiên tiến, Chương trình đào tạo đại học chính quy, đại học văn bằng 2, Chương trình đào tạo liên thông, đào tạo từ xa và Chương trình đào tạo thạc sĩ. Cùng với Khoa Quốc tế, các đơn vị chức năng và các khoa chuyên môn, Bộ môn Ngoại ngữ đã và đang tham gia nhiều hoạt động hỗ trợ sinh viên toàn Trường nâng cao năng lực tiếng Anh, đạt Chuẩn ngoại ngữ đầu ra để đảm bảo tốt nghiệp đúng hạn.

3. Đội ngũ của Viện Công nghệ Giáo dục và Đào tạo mở

Viện Công nghệ Giáo dục và Đào tạo mở (Tên tiếng Anh: Education Technology and Adaptive Learning Institute, viết tắt: ETALI) thành lập theo Quyết định số 50/NQ-HĐT ngày 30 tháng 8 năm 2022 Chủ tịch Hội đồng Trường. Đến thời điểm này Viện có 07 VC-NLĐ, một trong những chức năng, nhiệm vụ chính của Viện là tham mưu, tư vấn Hiệu trưởng trong đào tạo từ xa phục vụ nhu cầu xã hội.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hiệu trưởng/Phó Hiệu trưởng được phân công

Chỉ đạo, giám sát, kiểm tra và điều hành toàn diện việc triển khai thực hiện Đề án.

2. Viện Công nghệ Giáo dục và Đào tạo mở

Quản lý, tổ chức/phối hợp thực hiện toàn bộ các khâu từ tuyển sinh đến tốt nghiệp hình thức ĐTTX theo đúng các quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường. Quản lý, tổ chức/phối hợp xây dựng chương trình ĐTTX.

3. Phòng Đào tạo

Phối hợp với Viện CNGD&ĐTM quản lý: chương trình ĐTTX, điểm trên hệ thống Edusoft của Trường (HTQL).

4. Phòng QLNH&TTTT

Phối hợp với Viện CNGD&ĐTM quản lý người học trên HTQL của Trường. Quản lý toàn bộ hồ sơ nhập học của người học.

5. Khoa Quốc tế và các khoa liên quan

Quản lý chuyên môn theo ngành/chuyên ngành đào tạo được giao. Phối hợp thiết kế, xây dựng và đánh giá, thẩm định chương trình đào tạo (bao gồm cả chuẩn đầu ra, đề cương học phần,...). Thực hiện xây dựng và thẩm định học liệu chương trình ĐTTX các học phần do Khoa phụ trách; Xây dựng và thẩm định ngân hàng câu hỏi thi. Phân công giảng viên tham gia thực hiện chương trình ĐTTX và thực hiện công tác giảng dạy theo Kế hoạch đào tạo do Viện CNGD&ĐTM công bố. Kiểm tra, giám sát chất lượng giảng dạy của giảng viên.

Phối hợp chặt chẽ với Viện CNGD&ĐTM trong công tác tổ chức ĐTTX của Trường.

6. Phòng Thanh tra – Quản lý chất lượng

Đầu mối tổ chức thực hiện công tác đảm bảo chất lượng đối với hoạt động ĐTTX. Chủ trì và hướng dẫn các đơn vị liên quan chuẩn bị hồ sơ, nhiệm vụ, minh chứng liên quan công tác kiểm định/đánh giá chương trình ĐTTX theo yêu cầu.

Theo dõi- ghi nhận xử lý các trường hợp vi phạm.

7. Phòng Kế hoạch - Tài chính

Thực hiện công tác tài chính liên quan đến thực hiện chương trình ĐTTX; Thực hiện công tác liên quan đến học phí của người học.

8. Trách nhiệm của các đơn vị khác

Phối hợp chặt chẽ với Viện CNGD&ĐTM thực hiện các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của đơn vị

9. Đơn vị hợp tác cung cấp dịch vụ công nghệ

Căn cứ nhu cầu thực tế, Nhà trường đã lựa chọn Công ty Cổ phần tư vấn dịch vụ đào tạo AUM Việt Nam (gọi tắt là Công ty AUM Việt Nam) là đơn vị hợp tác cung cấp dịch vụ công nghệ. Theo đó Công ty Cổ phần tư vấn dịch vụ đào tạo AUM Việt Nam sẽ là đơn vị cung cấp phần mềm E-Learning, ấn phẩm học liệu điện tử và dịch vụ tuyển sinh các chương trình ĐTTX trình độ đại học của Trường theo phương thức đào tạo E-Learning. Nhà trường tổ chức kiểm duyệt, thẩm định trước khi sử dụng.

Trong quá trình thực hiện Đề án nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc cần điều chỉnh, các đơn vị báo cáo Nhà trường bằng văn bản thông qua Viện CNGD&ĐTM tổng hợp, trình Hiệu trưởng xem xét, phê duyệt và ban hành văn bản sửa đổi phù hợp với tình hình thực tế (nếu có).

IV. CAM KẾT VÀ CÔNG BỐ

1. Cam kết

Đề án ĐTTX trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh của Trường ĐHKTCN đáp ứng đủ các quy định tại Quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư số 28/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Toàn bộ nội dung Đề án đã được đưa lên trang web của Trường tại địa chỉ: <https://tnut.edu.vn>

Trường đã chuẩn bị đầy đủ từ chương trình đào tạo đến cơ sở vật chất, đặc biệt là đội

ngũ giảng viên, VC-NLĐ cho việc sẵn sàng và đáp ứng các yêu cầu trong triển khai phương thức ĐTTX. Đồng thời, Nhà trường cũng có lộ trình trong việc đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng số, thiết bị giảng dạy và đặc biệt chú trọng phát triển đội ngũ giảng viên, kho học liệu, ngân hàng câu hỏi thi... và các chương trình hợp tác trong nước và quốc tế để đảm bảo công tác đào tạo đạt được kết quả cao và chất lượng.

Trường cũng đã có phương án dự phòng và sẵn sàng làm các thủ tục để chuyển người học sang hình thức đào tạo tương đương khác nếu có rủi ro.

2. Công bố

Từ thực tiễn gần 60 năm xây dựng và phát triển trong ngành giáo dục đào tạo bậc đại học. Trường không ngừng xây dựng cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ giảng viên, VC-NLĐ giàu kinh nghiệm, có năng lực thực tiễn và khái quát hóa cao. Do vậy, quy mô và sự lan tỏa đến xã hội và cộng đồng doanh nghiệp góp phần cho công cuộc phát triển kinh tế - văn hóa – xã hội của các tỉnh phía Bắc nói riêng và cả nước nói chung. Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đã được cấp có thẩm quyền cho phép về việc bắt đầu triển khai công tác tuyển sinh, tổ chức đào tạo, cấp bằng tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ đại học hình thức ĐTTX ngành Ngôn ngữ Anh kể từ tháng 8/2024.

